

[illegible]

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
40	Nguyễn Thị Móc	4	Kinh	2	05/10/1964	Thuận Hòa			x			x								x					x	x						
41	Huỳnh Thị Thắm	1	Kinh	2	04/02/1963	Thuận Hòa			x			x							x				x				x					
42	Phan Huỳnh Kim Oanh	2	Kinh	2	24/8/2009	An Chi Tây			x	x		x										x			x							
43	Lê Thị Thuận	1	Kinh	2	12/3/1950	An Chi Tây			x			x							x			x										
44	Phan Thị Ánh Nguyệt	2	Kinh	2	01/01/1971	An Chi Tây			x			x							x			x										
45	Phạm Thị Thanh	1	Kinh	2	01/01/1932	An Chi Tây	x		x			x							x				x									
46	Lê Thị Liễu	1	Kinh	2	08/10/1953	An Chi Tây			x			x							x						x	x						
47	Cao Minh Kháng	1	Kinh	1	03/10/1944	An Chi Tây	x		x			x							x			x	x				x					
48	Lê Thị Cúc	1	Kinh	2	01/12/1942	An Chi Đông				x		x							x								x					
49	Cao Thị Liên	1	Kinh	2	12/12/1943	An Chi Đông	x			x		x							x								x					
50	Cao Minh Đức	5	Kinh	1	26/6/1977	An Chi Đông			x	x					x												x					
51	Lê Thị Mai	1	Kinh	2	03/08/1930	An Chi Đông	x			x		x							x	x							x					
52	Cao Thị Nhơn	3	Kinh	2	18/8/1963	An Chi Đông			x										x	x		x					x					
53	Nguyễn Văn Thanh	3	Kinh	2	18/8/1964	An Chi Đông			x										x	x							x					
54	Nguyễn Tấn Phi	4	Kinh	1	10/08/1978	Đề An			x						x				x								x					
55	Lê Thị Hồng Phấn	3	Kinh	2	11/10/1974	Đề An				x					x				x								x					
56	Phan Thị Diêu	1	Kinh	2	24/10/1969	Đề An				x					x				x								x					
57	Nguyễn Đường	2	Kinh	1	10/07/1946	Đề An			x						x				x				x				x					
58	Bùi Văn Thiện	5	Kinh	1	10/05/1967	Đề An			x	x									x								x					
59	Võ Thị Được	1	Kinh	2	20/01/1962	Đề An					x				x				x								x					

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
60	Lưu Văn Bông	5	Kinh	1	12/01/1977	Đề An				x			x					x								x						
61	Nguyễn Văn Hân	3	Kinh	1	15/06/1966	Đề An				x					x			x								x						
62	Trần Văn Thái	2	Kinh	1	20/2/1953	Hòa Mỹ						4						x	x							x	x					
63	Trần Thị Thu	2	Kinh	2	08/3/1967	Hòa Mỹ			x			x						x			x					x						
64	Trần Thị Bích	1	Kinh	2	10/8/1945	Hòa Mỹ	x		x			x						x				x										
65	Nguyễn Thanh Tri	4	Kinh	1	20/12/1961	Hòa Mỹ			x			x	x													x						
66	Lê Thị Phương	4	Kinh	1	03/3/1990	Hòa Mỹ			x	x		x									x							x				
67	Nguyễn Đức Lợi	3	Kinh	1	30/10/1957	Hòa Mỹ				x		x						x								x						
68	Trương Quang Thái	4	Kinh	1	15/12/1969	Hòa Quý			x		x				x											x						
69	Phan Thị Kim Chi	1	Kinh	2	13/10/1950	Hòa Quý						x						x	x							x						
70	Dương Thị Tịnh	1	Kinh	2	20/02/1941	Hòa Quý						x						x	x							x						
71	Đỗ Tấn Thành	2	Kinh	1	10/11/1998	Hòa Quý			x			x						x								x						
72	Nguyễn Văn Minh	2	Kinh	1	12/07/1936	Hòa Quý						x						x	x							x						
73	Nguyễn Văn Nga	1	Kinh	1	19/03/1960	Hòa Quý						x						x	x							x						
74	Ngô Thị Bé	1	Kinh	2	03/09/1961	Hòa Vinh				x								x	x					x								
75	Nguyễn Thị Hộp	1	Kinh	2	01/05/1969	Hòa Vinh												x	x	x		x										
76	Võ Thị Liên	1	Kinh	2	07/05/1960	Hòa Vinh												x	x	x		x										
77	Hồ Thị Xuân	1	Kinh	2	20/01/1958	Hòa Vinh						x						x	x	x												
78	Võ Thị Huệ	2	Kinh	2	01/01/1955	Hòa Vinh			x			x						x				x										
79	Huỳnh Thị Dung	1	Kinh	2	10/10/1942	Hòa Vinh				x								x	x			x										
80	Nguyễn Thị Sáu	1	Kinh	2	04/04/1966	Hòa Vinh			x			x						x								x						

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em							
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4				
81	Huỳnh Thị Tư	1	Kinh	2	10/04/1950	Hòa sơn										X			X	X						X										
82	Nguyễn Thị Kim Anh	6	Kinh	2	09/10/1953	Hòa sơn			X	X			X															X								
83	Đàm Minh Vũ	4	Kinh	1	03/06/1980	Hòa sơn			X			X	X																X							
84	Nguyễn Thị Vàng	2	Kinh	2	12/05/1970	Hòa Thọ				X		X								X									X							
85	Lê Quang Huy	4	Kinh	1	02/02/1951	Hòa Thọ				X		X								X									X							
86	Huỳnh Thị Chuông	2	Kinh	2	03/04/1971	Hòa Thọ				X		X								X									X							
87	Phạm Thị Hiền	2	Kinh	2	26/10/1935	Hòa Thọ				X		X								X											X					
88	Trịnh Thị Lượm	4	Kinh	2	12/02/1947	Hòa Thọ				X		X								X										X						
89	Nguyễn Thị Hà	1	Kinh	2	20/02/1959	Hòa Thọ				X										X	X									X						
90	Bùi Thị Hạnh	2	Kinh	2	30/12/1985	Hòa Thọ				X		X								X										X						
91	Nguyễn Dung	4	Kinh	1	02/03/1965	Hòa Thọ				X		X								X										X						
92	Lê Hồng Danh	5	Kinh	1	10/04/1967	Hòa Thọ			X	X		X															X			X						
93	Lê Thị Nhung	3	Kinh	2	10/10/1951	Hòa Thọ				X		X								X									X							
94	Trần Thị Kim Phương	3	Kinh	2	08/10/1946	Hòa Thọ				X		X								X							X									
95	Hồ Thị Hoa	3	Kinh	2	03/04/1970	Kỳ Thọ Nam 1			X				X							X										X						
96	Phan Thị Mỹ Hoa	3	Kinh	2	10/12/1968	Kỳ Thọ Nam 1			X			X	X																	X						
97	Mai Đức Hoanh	7	Kinh	1	18/08/1987	Kỳ Thọ Nam 1				X					X	X										X										
98	Trịnh Nhân Cẩm	4	Kinh	1	12/04/1985	Kỳ Thọ Nam 1				X		X								X										X						
99	Lê Cu Bin	4	Kinh	1	11/11/1976	Kỳ Thọ Nam 1			X	X		X																		X						
100	Phạm Thị Nghê	5	Kinh	2	03/06/1949	Kỳ Thọ Nam 1			X			X	X																	X						
101	Huỳnh Thị Huệ	1	Kinh	2	01/01/1972	Kỳ Thọ Nam 1													X	X	X									X						

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
102	Trịnh Ngọc Hương	1	Kinh	1	24/08/1976	Kỳ Thọ Nam 1			x			x							x						x							
103	Nguyễn Văn Tâm	1	Kinh	1	20/4/1965	Kỳ Thọ Nam 2			x										x	x							x					
104	Trần Văn Huỳnh	1	Kinh	1	08/07/1956	Kỳ Thọ Nam 2			x						x				x	x		x										
105	Huỳnh Thị Mẫn	2	Kinh	2	16/7/1957	Kỳ Thọ Nam 2			x			x								x				x								
106	Nguyễn Thị Mai	2	Kinh	2	16/10/1937	Kỳ Thọ Nam 2			x										x	x							x					
107	Huỳnh Bé	7	Kinh	1	27/10/1953	Kỳ Thọ Nam 2				x	x				x	x					x											
108	Lê Thị Lý	5	Kinh	2	01/08/1978	Kỳ Thọ Nam 2			x	x									x				x									
109	Phạm Thị Luật	2	Kinh	2	15/05/1955	Kỳ Thọ Bắc			x				x							x					x		x					
110	Nguyễn Thị Nền	1	Kinh	2	04/12/1968	Kỳ Thọ Bắc			x										x	x		x					x					
111	Nguyễn Thị Ý	6	Kinh	2	06/12/1953	Kỳ Thọ Bắc			x	x						x									x	x						
112	Nguyễn Thị Nghiêm	1	Kinh	2	16/06/1960	Kỳ Thọ Bắc				x									x	x	x		x		x		x					
113	Huỳnh Thị Kim Trúc	2	Kinh	2	22/04/1957	Kỳ Thọ Bắc			x										x	x	x	x	x				x					
114	Nguyễn Thị Càn	2	Kinh	2	16/12/1952	Kỳ Thọ Bắc			x										x	x			x		x		x					
115	Nguyễn Tiến Khải	3	Kinh	1	01/05/1994	Kỳ Thọ Bắc			x	x						x						x	x				x					
116	Hồ Văn Trịnh	4	Kinh	1	10/04/1978	Phú Châu				x								x		x			x									x
117	Nguyễn Thị Hường	1	Kinh	2	30/10/1937	Phú Châu			x									x		x			x									
118	Nguyễn Tấn Dương	1	Kinh	1	28/12/1966	Phú Châu												x		x	x					x						
119	Nguyễn Thị Thanh	2	Kinh	2	20/10/1988	Phú Châu				x								x		x							x					
120	Nguyễn Thị Xuân	2	Kinh	2	19/03/1946	Phú Châu			x										x		x						x					
121	Nguyễn Thị Hòa	1	Kinh	2	10/03/1964	Phú Châu										x	x		x			x										
122	Nguyễn Thị Bường	2	Kinh	2	25/10/1944	Phú Châu						x							x	x				x								

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
123	Hồ Thị Vân	4	Kinh	2	24/06/1976	Phú Châu			X								X		X													
124	Nguyễn Tấn Bảo	2	Kinh	1	11/12/1936	Xuân Vinh			x							x			x			x	x									
125	Nguyễn Chánh	4	Kinh	1	20/01/1939	Xuân Vinh			x			x							x			x					x					
126	Nguyễn Thị Hồng Phần	1	Kinh	2	20/05/1955	Xuân Vinh			x							x			x			x	x									
127	Nguyễn Thị Kiều Oanh	2	Kinh	2	20/02/1990	Xuân Vinh			x	x		x										x										
128	Nguyễn Diên Công	2	Kinh	2	10/05/1952	Xuân Vinh			x			x				x			x			x										
129	Nguyễn Thị Trinh	2	Kinh	2	10/05/1952	Xuân Vinh			x			x							x			x										
Tổng cộng: 129 hộ																																

Ghi chú:

* Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (Đánh dấu x vào ô tương ứng)

1. Việc làm	3. Dinh dưỡng	5. Trình độ giáo dục của người lớn	7. Chất lượng nhà ở	9. Nguồn nước sinh hoạt	11. Sử dụng dịch vụ viễn thông
2. Người phụ thuộc trong gia đình	4. Bảo hiểm y tế	6. Tình trạng đi học của trẻ em	8. Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10. Nhà tiêu hợp vệ sinh	12. Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

* Nguyên nhân nghèo (Đánh dấu x vào ô tương ứng)

1. Không có đất sản xuất	2. Không có vốn sản xuất, kinh doanh	3. Không có lao động	4. Không có công cụ/phương tiện sản xuất
--------------------------	--------------------------------------	----------------------	--

* Chỉ số thiếu hụt của trẻ em (Điền số liệu tương ứng với chỉ số thiếu hụt)

1. Tổng số trẻ em thiếu hụt các chỉ số trong hộ
2. Số trẻ thiếu hụt chỉ số về bảo hiểm y tế
3. Số trẻ thiếu hụt chỉ số về dinh dưỡng
4. Số trẻ thiếu hụt chỉ số về tình trạng đi học

Danh sách kết quả rà soát hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

Năm rà soát 2025

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em					
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4		
1	Lê Thị Thành	2	Kinh	2	01/05/1940	Châu Me	x												x				x											
2	Nguyễn Thị Thúy	3	Kinh	2	02/01/1990	Châu Me				x												x												
3	Cao Thị Liên	2	Kinh	2	30/01/1955	Châu Me			x											x						x								
4	Cao Thị Hiền	2	Kinh	2	10/9/1962	Châu Me													x			x												
5	Cao Văn Chuẩn	6	Kinh	1	06/10/1967	Châu Me			x													x												
6	Cao Thị Thương	6	Kinh	2	04/10/1954	Xuân Ba			x	x												x												
7	Cao Thị Bảy	6	Kinh	2	01/01/1951	Xuân Ba			x	x												x												
8	Đỗ Kim Quân	4	Kinh	1	26/6/1981	Xuân Ba				x												x					x							
9	Nguyễn Trọng Hoàng Anh	2	Kinh	1	20/07/1991	Xuân Ba			x													x						x						
10	Cao Thị Hồng Sáu	1	Kinh	2	01/04/1948	An Ba	x		x											x			x											
11	Nguyễn Tấn Hùng	1	Kinh	1	18/10/1962	An Ba			x																x									
12	Nguyễn Tấn Nhung	5	Kinh	1	15/04/1973	An Ba			x											x							x							
13	Huỳnh Thị Thậ	2	Kinh	1	20/02/1942	An Ba			x											x					x									
14	Trần Văn Reo	7	Kinh	1	14/4/1969	An Ba			x																			x						
15	Trần Thị Thuỷ	4	Kinh	2	15/02/1979	Mỹ Hưng			x		x											x												
16	Trương Văn Tình	5	Kinh	1	01/01/1985	Đồng Xuân				x					x							x						x						
17	Trần Ní	2	Kinh	1	18/01/1963	Đồng Xuân			x					x								x						x						
18	Lưu Thị Bé	5	Kinh	2	05/10/1971	Đồng Xuân			x	x																		x						

[illegible]

[illegible]

80	Lê Thị Kim Loan	1	Kinh	2	10/11/1951	Hòa vinh													x			x										
81	Đỗ Thi Tuyết	2	Kinh	2	10/08/1972	Hòa vinh				x																						
82	Trần Quang	3	Kinh	1	20/02/1943	Hòa Sơn				x												x										
83	Huỳnh Tấn Lát	4	Kinh	1	05/01/1990	Hòa Sơn				x	x											x										
84	Nguyễn Thị Thu Thúy	4	Kinh	2	14/07/1988	Hòa Sơn				x	x											x										
85	Lê Cột	3	Kinh	1	23/03/1975	Hòa Thọ					x												x									
86	Huỳnh Tấn Thu	6	Kinh	1	30/08/1968	Hòa Thọ					x																					
87	Nguyễn Thanh Cang	4	Kinh	1	07/08/1970	Hòa Thọ					x																					
88	Võ Thị Lại	5	Kinh	2	10/10/1956	Hòa Thọ					x																					
89	Phạm Thị Thúy Lài	2	Kinh	2	18/03/1985	Hòa Thọ				x												x										
90	Lê Thị Thanh Phương Loan	4	Kinh	2	02/01/1986	Hòa Thọ					x												x									
91	Trần Thị Vinh	2	Kinh	2	25/04/1974	Hòa Thọ				x																						
92	Hồ Thị Thúy Nguyệt	4	Kinh	2	01/01/1970	Hòa Thọ					x												x									
93	Phạm Thị Hảo	1	Kinh	2	06/09/1966	Hòa Thọ					x																					
94	Phạm Tân	3	Kinh	1	21/07/1968	Hòa Thọ					x																					
95	Lê Thị Nga	1	Kinh	2	10/09/1953	Hòa Thọ					x									x												
96	Lê Tấn Thành	2	Kinh	1	16/09/1965	Hòa Thọ					x									x												
97	Võ Thị Máy	2	Kinh	2	05/07/1971	Hòa Thọ					x									x												
98	Trần Thị Thủy	3	Kinh	2	15/08/1980	Kỳ Thọ Nam 1				x												x										
99	Phạm Thị Diễm	4	Kinh	2	13/01/1966	Kỳ Thọ Nam 1				x												x										
100	Nguyễn Nga	4	Kinh	1	20/05/1965	Kỳ Thọ Nam 1				x												x										
101	Võ Văn Khánh	2	Kinh	1	02/04/1951	Kỳ Thọ Nam 1							x							x												
102	Đàm Thị Chung	2	Kinh	2	02/03/1937	Kỳ Thọ Nam 2				x										x												
103	Đỗ Thị Kim Phượng	4	Kinh	2	20/04/1985	Kỳ Thọ Nam 2				x				x																		
104	Võ Thị Mỹ Lợi	2	Kinh	2	06/06/1971	Kỳ Thọ Nam 2				x																						
105	Huỳnh Thị Trúc	1	Kinh	2	09/06/1936	Kỳ Thọ Nam 2	x			x										x			x									
106	Nguyễn Văn Lộc	4	Kinh	1	15/02/1983	Kỳ Thọ Bắc				x	x																					
107	Nguyễn Ngọc	4	Kinh	1	22/12/1982	Kỳ Thọ Bắc					x	x										x										
108	Nguyễn Thị Hiệu	8	Kinh	2	10/04/1984	Kỳ Thọ Bắc					x	x																				
109	Nguyễn Liêm	4	Kinh	1	10/01/1966	Phú châu											x		x													
110	Phạm Ngọc Sơn	4	Kinh	1	13/07/1964	Phú châu				x								x														

[illegible]

1. Việc làm	3. Dinh dưỡng	5. Trình độ giáo dục của người lớn	7. Chất lượng nhà ở	9. Nguồn nước sinh hoạt	11. Sử dụng dịch vụ viễn thông
2. Người phụ thuộc trong gia đình tín	4. Bảo hiểm y tế	6. Tình trạng đi học của trẻ em	8. Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10. Nhà tiêu hợp vệ sinh	12. Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

1. Không có đất sản xuất	2. Không có vốn sản xuất, kinh doanh	3. Không có lao động	4. Không có công cụ/phương tiện sản xuất
5. Không có kiến thức về sản xuất	6. Không có kỹ năng lao động, sản xuất	7. Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	8. Nguyên nhân khác (ghi rõ):.....

1. Tổng số trẻ em thiếu hụt các chỉ số trong hộ 2. Số trẻ thiếu hụt chỉ số về bảo hiểm y tế 3. Số trẻ thiếu hụt chỉ số về dinh dưỡng 4. Số trẻ thiếu hụt chỉ số về tình trạng đi học

Biểu mẫu 03

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

Năm rà soát 2025

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
A	Danh sách hộ nghèo								
I	Thôn Châu Me (số hộ 04, số khẩu 06)								
1	Lê Thị Lý	Chủ hộ	2	02/03/1946	051146006275	Kinh			
2	Nguyễn Thị Hoa	Chủ hộ	2	01/01/1935	051135005579	Kinh			
3	Nguyễn Thị Hương	Chủ hộ	2	13/03/1936	051136003295	Kinh			
4	Cao Thị Hường	Chủ hộ	2	10/01/1955	051155005479	Kinh			
	Hồ Nguyễn Quang Hùng	Cháu	1	29/11/2019	051219007193	Kinh			
	Nguyễn Thị Thu Hằng	Cháu	2	09/9/2000	051300005294	Kinh			
II	Thôn Xuân Ba (số hộ 08, số khẩu 14)								
1	Trần Thị Ngạo	Chủ hộ	2	01/04/1946	051146004235	Kinh			
2	Cao Thị Sáu	Chủ hộ	2	06/07/1947	051147006901	Kinh			
3	Phan Thị Hồng	Chủ hộ	2	10/06/1929	051129001537	Kinh			
4	Huỳnh Thị Lưu Ý	Chủ hộ	2	02/04/1939	051139004290	Kinh			
	Cao Thị Kỳ	Con	2	01/01/1969	051169006209	Kinh			
	Cao Thị Vân	Con	2	10/08/1975	051175005420	Kinh			
5	Trần Thị Lệ	Chủ hộ	2	04/06/1947	051147005705	Kinh			
6	Cao Thị Kim	Chủ hộ	2	01/01/1946	051146003067	Kinh			
7	Đỗ Kim Quang	Chủ hộ	1	16/10/1984	051084011108	Kinh			
	Đỗ Thị Kim Quy	Con	2	18/02/2010	051310008277	Kinh			
	Đỗ Thị Kim Trúc	Con	2	16/03/2012	051312003251	Kinh			
	Đỗ Thị Cẩm Viên	Con	2	06/06/2015	051315004439	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
8	Nguyễn Thị Thu Hà	Chủ hộ	2	01/11/1970	051170014186	Kinh			Phát sinh
	Nguyễn Gia Hân	Con	2	05/08/2009	051309001820	Kinh			
III	Thôn An Ba (số hộ 12, số khẩu 19)								
1	Trần Thị Mỹ Duyên	Chủ hộ	2	24/01/1966	051166006684	Kinh			
2	Huỳnh Thị Giới	Chủ hộ	2	05/03/1936	051136004513	Kinh			
	Huỳnh Thị Bé Tý		2	01/07/1962	051162008620	Kinh			
3	Nguyễn Thị Liễu	Chủ hộ	2	01/06/1970	051170015470	Kinh			
4	Trần Thị Kính	Chủ hộ	2	10/05/1931	051131002567	Kinh			
5	Nguyễn Thị Phúc	Chủ hộ	2	26/04/1954	051154007768	Kinh			Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo
	Huỳnh Ngọc Sang	Con	1	04/07/1983	051083008878	Kinh			
	Vũ Thị Cẩm	Con	2	18/02/1985	051185017779	Kinh			
	Huỳnh Vũ Ngọc Duyên	Cháu	2	10/05/2017	051317007766	Kinh			
6	Trần Thị Tư	Chủ hộ	2	18/04/1952	051152006573	Kinh		x	Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo
7	Nguyễn Thị Tiến	Chủ hộ	2	20/6/1949	051149006522	Kinh		x	Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo
8	Lưu Thị Dung	Chủ hộ	2	01/01/1947	051147005949	Kinh		x	
9	Trần Thị Hiệp	Chủ hộ	2	08/08/1943	051143002009	Kinh		x	
10	Trịnh Thị Viễn	Chủ hộ	2	10/10/1970	051170005933	Kinh			
	Trần Văn Nhất	Con	1	19/11/2005	051205013780	Kinh			
	Trần Văn Tân	Con	1	10/8/2008	051208005597	Kinh			
11	Lý Thị Khuyên	Chủ hộ	2	08/2/1953	051153005746	Kinh		x	
12	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Chủ hộ	2	23/3/1986	051186001954	Kinh			
	Nguyễn Triều An	Con	1	26/08/2015	051215009005	Kinh			
IV	Thôn Mỹ Hưng (số hộ 5, số khẩu 13)								

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
1	Lê Thị Ích	Chủ hộ	2	14/04/1944	051144005105	Kinh			
2	Nguyễn Thị Quế	Chủ hộ	2	01/01/1936	051136003555	Kinh			
	Lê Văn Tùng	Con	1	24/08/1977	051077009611	Kinh			
	Lê Văn Hiền	Cháu	1	22/07/2009	051209007384	Kinh			
3	Nguyễn Sáu	Chủ hộ	1	10/02/1941	051041002222	Kinh			
4	Nguyễn Minh Nhất	Chủ hộ	1	10/04/1988	051088016379	Kinh			
	Lê Thị Ngọc Hon	Vợ	2	26/08/1991	051191015625	Kinh			
	Nguyễn Lê Phương Thảo	Con	2	21/01/2014	051314007085	Kinh			
5	Nguyễn Đăng Căng	Chủ hộ	1	10/07/1985	051085009196	Kinh			
	Đàm Thị Tiềm	Vợ	2	10/02/1993	051193019757	Kinh			
	Nguyễn Thị Thùy Nương	Con	2	21/07/2012	051312004218	Kinh			
	Nguyễn Đăng Phước	Con	1	21/07/2016	051216003873	Kinh			
	Nguyễn Thị Thùy Dương	Con	2	09/02/2018	051318000040	Kinh			
V	Thôn Đồng Xuân (số hộ 03, số khẩu 12)								
1	Trần Thị Lam Kiều	Chủ hộ	2	16/05/1985	051185002895	Kinh			Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo
	Trần Duy Tường	Con	1	17/07/2009	051209001751	Kinh			
	Trần Gia Phát	Con	1	04/11/2012	051212015511	Kinh			
	Nguyễn Trần Bích Ngọc	Con	2	22/12/2023	051323009984	Kinh			
2	Đàm Thị Phượng	Chủ hộ	2	18/6/1976	051176009983	Kinh			Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo
	Phan Thị Kiều Anh	Con	2	29/04/2002	051302011822	Kinh			
	Phan Anh Tâm	Con	1	19/8/2013	051313009084	Kinh			
	Phan Thị Thúy Kiều	Con	2	29/10/1996	051196012883	Kinh			
	Nguyễn Diệp Chi	Cháu	2	15/4/2022	051322002004	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Nguyễn Minh Bá	Cháu	1	28/5/2025	051225004231	Kinh			
3	Phạm Thị Ro	Chủ hộ	2	20/07/1956	051156004422	Kinh			Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo
	Nguyễn Văn Nhân	Con	1	21/01/1983	051083006558	Kinh			
VI	Thôn Ba Bình (số hộ 03, số khẩu 05)								
1	Đoàn Thị Hường	Chủ hộ	2	01/7/1937	051137006847	Kinh		x	
2	Nguyễn Thị Đường	Chủ hộ	2	05/01/1963	051163007322	Kinh			
3	Trần Thị Trang	Chủ hộ	2	05/04/1968	051168018266	Kinh			
	Trần Thị Thừa		2	02/7/1930	051130004322	Kinh			
	Trần Thị Thanh Tâm		2	05/02/2007	051307013671	Kinh			
VII	Thôn Xuân Đình (số hộ 04, số khẩu 09)								
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ hộ	1	23/02/1998	051098002029	Kinh			
2	Huỳnh Thị Nghĩ	Chủ hộ	2	04/07/1988	051188007381	Kinh			
	Nguyễn Đức Vương	Con	1	16/11/2004	051204012109	Kinh			
	Lý Thanh Quy	Con	1	20/10/2011	051211003017	Kinh			
3	Lê Văn Nhạc	Chủ hộ	1	17/07/1944	051044004378	Kinh			
	Cao Thị Liễu	Vợ	2	12/08/1945	051145004721	Kinh			
4	Lê Thanh Tùng	Chủ hộ	1	08/10/1984	051084015671	Kinh			
	Võ Thị Diễm	Vợ	2	01/01/1984	051184016973	Kinh			
	Lê Minh Dũng	Con	1	21/8/2012	051212012279	Kinh			
VIII	Thôn Thuận Hòa (số hộ 02, số khẩu 05)					Kinh			
1	Nguyễn Thị Móc	Chủ hộ	2	05/10/1964	051164013926	Kinh			
	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Cháu	2	30/04/2007	051307012063	Kinh			
	Nguyễn Thị Hát	Con	2	10/07/1989	051189005131	Kinh			
	Nguyễn Văn Cường	Con	1	19/05/1981	051081007324	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
2	Huỳnh Thị Thắm	Chủ hộ	2	04/02/1963	051163014232	Kinh		x	
IX	Thôn An Chỉ Tây (số hộ 06, số khẩu 08)					Kinh			
1	Phan Huỳnh Kim Oanh	Chủ hộ	2	24/8/2009	051309001129	Kinh			Phát sinh
	Phan Huỳnh Kim Trang	em	2	26/8/2011	051311012723	Kinh			
2	Lê Thị Thuận	Chủ hộ	2	12/3/1950	051150007693	Kinh			
3	Phan Thị Ánh Nguyệt	Chủ hộ	2	01/01/1971	051171013303	Kinh			
	Phan Thị Yến Nhi	Con	2	01/12/2009	051309004029	Kinh			
4	Phạm Thị Thanh	Chủ hộ	2	01/01/1932	051132001949	Kinh		x	
5	Lê Thị Liễu	Chủ hộ	2	08/10/1953	051153005378	Kinh			
6	Cao Minh Kháng	Chủ hộ	1	03/10/1944	051044003943	Kinh		x	
X	Thôn An Chỉ Đông (số hộ 06, số khẩu 14)								
1	Lê Thị Cúc	Chủ hộ	2	12/01/1942	051142002792	Kinh			
2	Cao Thị Liên	Chủ hộ	2	12/12/1933	051133001657	Kinh			
3	Cao Minh Đức	Chủ hộ	1	26/06/1977	051077010424	Kinh			
	Lê Thị Xuân Nhiệm	Chủ hộ	2	14/07/1980	051180013120	Kinh			
	Cao Phương Nga		2	02/09/2007	051307008058	Kinh			
	Cao Lê Nhật Long		1	22/09/2010	051210003320	Kinh			
	Cao Thị Mỹ Phụng		2	20/02/2012	051312010324	Kinh			
4	Lê Thị Mai	Chủ hộ	2	03/08/1930	051130002800	Kinh			
5	Cao Thị Nhơn	Chủ hộ	2	18/8/1963	051163006108	Kinh			Phát sinh
	Cao Quanh Hạnh	Em	1	10/07/1965	051065013264	Kinh			
	Cao Quang Thông	Em	1	10/05/1972	051072017510	Kinh			
6	Nguyễn Văn Thanh	Chủ hộ	1	08/08/1970	051070026836	Kinh			Phát sinh
	Cao Thị Thơ	Vợ	2	27/6/1972	051172006003	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Con	2	13/1/2003	051303008221	Kinh			
XI	Thôn Đề An (số hộ 08, số khẩu 24)								
1	Nguyễn Tấn Phi	Chủ hộ	1	10/08/1978	051078000828	Kinh			
	Nguyễn Trần Thiên Lý	Cháu	2	12/02/2012	051312001479	Kinh			
	Trần Thị Truyền	Con	2	02/01/1986	051186014238	Kinh			
	Nguyễn Trần Cát Tường	Cháu	2	12/02/2012	051312004088	Kinh			
2	Lê Thị Hồng Phấn	Chủ hộ	2	11/10/1974	051174009163	Kinh			
	Trần Thị Bảo Ngân	Con	2	29/10/2004	051304014028	Kinh			
	Trần Thị Bảo Yến	Con	2	12/10/2006	051306013701	Kinh			
3	Phan Thị Diêu	Chủ hộ	2	24/10/1969	051169012437	Kinh			
4	Nguyễn Đường	Chủ hộ	1	10/07/1946	051046003547	Kinh			
	Nguyễn Thị Lan Phương	Vợ	2	02/02/1954	051154004392	Kinh			
5	Bùi Văn Thiện	Chủ hộ	1	10/05/1967	051057008696	Kinh			
	Đinh Thị Cúc	Vợ	2	18/05/1969	051169012653	Kinh			
	Bùi Thị Cẩm Loan	Con	2	13/12/1991	051191007100	Kinh			
	Bùi Duy Triều	Con	1	02/06/1994	051094009138	Kinh			
	Bùi Duy Triệu	Con	1	06/01/1999	051099008176	Kinh			
6	Võ Thị Được	Chủ hộ	2	20/01/1962	051162005275	Kinh			
7	Lưu Văn Bông	Chủ hộ	1	12/01/1977	051077003759	Kinh			
	Võ Thị Mỹ Hoàng	Vợ	2	14/11/1985	051185009318	Kinh			
	Lưu Thị Kiều Oanh	Con	2	16/09/2006	051306007032	Kinh			
	Lưu Võ Vũ Đạt	Con	1	17/05/2014	051214014078	Kinh			
	Lưu Võ Anh Vũ	Con	1	07/05/2008	051208002496	Kinh			
	Nguyễn Văn Hân	Chủ hộ	1	15/06/1966	051066013237	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
8	Huỳnh Thị Thanh	Vợ	2	30/09/1964	051164013777	Kinh			
	Nguyễn Văn Hiền	Con	1	14/11/1992	051092017379	Kinh			
XII	Thôn Hòa Mỹ (số hộ 06, số khẩu 16)								
1	Trần Văn Thái	Chủ hộ	1	20/2/1953	051053004019	Kinh			Phát sinh
	Nguyễn Thị Liễu	Vợ	2	0/4/1954	051154011062	Kinh			
2	Trần Thị Thu	Chủ hộ	2	08/03/1967	051167011129	Kinh			
	Nguyễn Huỳnh Tuyết Ngân	Cháu	1	02/11/2016	051316005263	Kinh			
3	Trần Thị Bích	Chủ hộ	2	10/08/1945	051145007897	Kinh			
4	Nguyễn Thanh Tri	Chủ hộ	1	20/12/1961	051061009124	Kinh			
	Trần Thị Anh	Vợ	2	20/12/1963	051163005094	Kinh			
	Nguyễn Thành Duy	Con	1	10/7/1984	051084016624	Kinh			
	Nguyễn Thị Thu Thảo	Con	2	06/3/2000	051300008913	Kinh			
5	Lê Thị Phương	Chủ hộ	2	03/3/1990	051190019931	Kinh			
	Văn Lê Phương Vy	Con	2	17/02/2007	051307011833	Kinh			
	Văn Tấn Chiến	Con	1	20/5/2009	051209008057	Kinh			
	Văn Tấn Thắng	Con	1	26/07/2022	051222004006	Kinh			
6	Nguyễn Đức Lợi	Chủ hộ	1	30/10/1957	051057400372	Kinh			
	Võ Thị Thu Ba	Vợ	2	19/6/1963	051163010249	Kinh			
	Lê Nguyễn Gia Hân	Cháu	1	05/6/2013	051313008372	Kinh			
XIII	Thôn Hòa Quý (số hộ 06, số khẩu 11)								
1	Trương Quang Thái	Chủ hộ	1	15/12/1969	051069016010	Kinh			
	Trương Quang Dương	Con	1	24/04/2002	051202004442	Kinh			
	Trương Thị Kim Dung	Con	2	28/02/2004	051304012821	Kinh			
	Trương Quang Duy	Con	1	25/11/2005	051205008867	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
2	Phan Thị Kim Chi	Chủ hộ	2	13/10/1950	051150004952	Kinh			
3	Dương Thị Tịnh	Chủ hộ	2	20/02/1941	051141004389	Kinh			
4	Đỗ Tấn Thành	Chủ hộ	1	10/11/1998	051098005789	Kinh			
	Đỗ Tấn Đạt	Cháu	1	15/9/2000	051200008224	Kinh			
5	Nguyễn Văn Minh	Chủ hộ	1	12/07/1936	051036001902	Kinh			
	Võ Thị Trang	Vợ	2	01/01/1944	051144006294	Kinh			
6	Nguyễn Văn Nga	Chủ hộ	1	19/03/1960	051060007973	Kinh			
XIV	Thôn Hòa Vinh (số hộ 07, số khẩu 8)								
1	Ngô Thị Bé	Chủ hộ	2	03/09/1961	051161009809	Kinh			
2	Nguyễn Thị Hợp	Chủ hộ	2	01/05/1969	051169009901	Kinh			
3	Võ Thị Liên	Chủ hộ	2	07/05/1960	051160004716	Kinh			
4	Hồ Thị Xuân	Chủ hộ	2	20/01/1958	051158008560	Kinh			
5	Võ Thị Huệ	Chủ hộ	2	01/01/1955	051155005233	Kinh			
	Võ Dân	Con	1	11/10/1987	051087012524	Kinh			
6	Huỳnh Thị Dung	Chủ hộ	2	10/10/1942	051142005785	Kinh			
7	Nguyễn Thị Sáu	Chủ hộ	2	04/04/1966	051166006264	Kinh			
XV	Thôn Hòa Sơn (số hộ 03, số khẩu 11)								
1	Huỳnh Thị Tư	Chủ hộ	2	10/04/1950	051150007487	Kinh			
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Chủ hộ	2	09/10/1953	051153006947	Kinh			
	Nguyễn Thị Nhật Lệ	Con	2	09/3/1997	051197010773	Kinh			
	Nguyễn Kim Ngân	Cháu	1	20/01/2015	051315005423	Kinh			
	Nguyễn Ánh Nguyệt	Cháu	2	14/9/2017	051317008681	Kinh			
	Nguyễn Minh Khang	Cháu	1	23/10/2019	051219000119	Kinh			
	Nguyễn Minh Anh Vũ	Cháu	1	05/02/2022	051222002950	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
3	Đàm Minh Vũ	Chủ hộ	1	03/06/1980	051080009135	Kinh			Phát sinh
	Nguyễn Thị Diệp	Vợ	2	26/03/1980	051180015413	Kinh			
	Đàm Minh Vương	Con	1	20/07/2007	051207012721	Kinh			
	Đàm Thị Lệ Lên	Con	2	02/12/2008	051308008799	Kinh			
XVI	Thôn Hòa Thọ (số hộ 11, số khẩu 32)								
1	Nguyễn Thị Vàng	Chủ hộ	2	12/5/1970	051170006175	Kinh			
	Nguyễn Quốc Bảo	Con	1	20/02/2004	051204013510	Kinh			
2	Lê Quang Huy	Chủ hộ	1	02/02/1951	051051004259	Kinh			
	Nguyễn Thị Xuân Thi	Vợ	2	07/08/1956	051156009943	Kinh			
	Lê Quang Vinh	Cháu	1	10/04/1958	051058008321	Kinh			
	Lê Quang Lộc	con	1	06/04/1998	051098012281	Kinh			
3	Huỳnh Thị Chuộng	Chủ hộ	2	03/04/1971	051171010300	Kinh			
	Nguyễn Tấn Vũ	Con	1	22/01/1994	051094015937	Kinh			
4	Phạm Thị Hiền	Chủ hộ	2	26/10/1935	051135003514	Kinh			
	Nguyễn Như Ngọc Châu	Con	2	01/01/2010	051310006765	Kinh			
5	Trịnh Thị Lượm	Chủ hộ	2	14/02/1947	051147005735	Kinh			
	Võ Nam	Con	1	10/10/1968	051068012631	Kinh			
	Nguyễn Thị Lành	Con	2	14/4/1969	051169007639	Kinh			
	Võ Duy Tân	Cháu	1	31/10/2007	051207020984	Kinh			
6	Nguyễn Thị Hà	Chủ hộ	2	20/02/1959	051159005596	Kinh			
7	Bùi Thị Hạnh	Chủ hộ	2	30/12/1985	051185015274	Kinh			
	Trần Kiều Oanh	Con	2	20/08/2009	051309005068	Kinh			
8	Nguyễn Dung	Chủ hộ	1	02/3/1965	051065018495	Kinh			
	Nguyễn Thị Thanh Phương	Con	2	09/8/1990	051190009418	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
8	Lê Thị Thanh Thảo	Cháu	2	10/11/2015	051315015037	Kinh			
	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Con	2	01/12/1986	051186007015	Kinh			
9	Lê Hồng Danh	Chủ hộ	1	10/04/1967	051068020694	Kinh			
	Nguyễn Thị Thân	Vợ	2	12/03/1974	051174011805	Kinh			
	Lê Thị Ngọc Dung	Con	2	20/01/2001	513010101965	Kinh			
	Lê Thị Mỹ Chi	Con	2	05/10/2002	051302011091	Kinh			
	Lê Thị Cẩm Ly	Con	2	04/11/2008	051308010789	Kinh			
10	Lê Thị Nhung	Chủ hộ	2	10/10/1951	051151004134	Kinh			
	Nguyễn Hồng Thiết	Con	1	01/06/1994	051094007954	Kinh			
	Trần Thị Bích Hoa	Con	2	29/03/2003	051303010828	Kinh			
11	Trần Thị Kim Phụng	Chủ hộ	2	08/10/1946	051146003787	Kinh			
	Lê Phú Quốc	Cháu	1	14/12/2007	051207015360	Kinh			
	Điệp Thị Thu	Con	2	12/03/1970	051170008424	Kinh			
XVII	Thôn Kỳ Thọ Nam I (số hộ 08, số khẩu 28)								
1	Hồ Thị Hoa	Chủ hộ	2	03/04/1970	051170005927	Kinh			
	Nguyễn Văn Hòa	Con	1	02/11/2008	051208002780	Kinh			
	Nguyễn Văn Hải	Con	1	18/12/2001	051201004039	Kinh			
2	Phan Thị Mỹ Hoa	Chủ hộ	2	10/12/1968	051168009726	Kinh			
	Phan Anh Tú	Con	1	11/07/2003	051303006576	Kinh			
	Phan Tú Anh	Con	1	11/07/2003	051303010223	Kinh			
3	Mai Đức Hoanh	Chủ hộ	1	18/08/1987	051087012681	Kinh			
	Tiêu Thị Mỹ Nữ	Vợ	2	27/01/1987	051187013893	Kinh			
	Mai Đức Hoàng	Con	1	26/11/2019	051219001573	Kinh			
	Mai Thị Diễm Kiều	Con	2	19/11/2011	051311002068	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Mai Thị Thùy Duyên	Con	2	10/07/2013	051313005655	Kinh			
	Mai Thị Hồng Mơ	Con	2	07/10/2014	051314011687	Kinh			
	Mai Đức Huy	Con	1	25/07/2016	051216008462	Kinh			
4	Trịnh Nhân Cầm	Chủ hộ	1	12/04/1985	051085009622	Kinh			
	Nguyễn Thị Thu Siêng	Vợ	2	18/08/1988	051188010357	Kinh			
	Trịnh Nguyễn Bảo Thy	Con	2	30/06/2013	051313012879	Kinh			
	Trịnh Nguyễn Cao Kỳ	Con	1	08/09/2015	051215001050	Kinh			
5	Lê Cu Bin	Chủ hộ	1	11/11/1976	051076008186	Kinh			
	Nguyễn Thị Tâm	Vợ	2	31/05/1979	051179011985	Kinh			
	Lê Võ Thị Cẩm Hà	Con	2	08/02/2004	051304012332	Kinh			
	Lê Nguyễn Văn Huy	Con	1	27/02/2011	051211004310	Kinh			
6	Phạm Thị Nghê	Chủ hộ	2	03/06/1949	051149002832	Kinh			
	Đoàn Thị Thanh Thúy	Con	2	30/01/1989	051189008383	Kinh			
	Đoàn Văn Hùng	Cháu	1	13/08/2004	051204013831	Kinh			
	Đoàn Thành Vinh	Cháu	1	14/07/2007	051207019099	Kinh			
	Đoàn Xuân Bách	Cháu	1	02/03/2010	051210001173	Kinh			
7	Huỳnh Thị Huệ	Chủ hộ	2	01/01/1972	051172004687	Kinh			Phát sinh
8	Trịnh Ngọc Hương	Chủ hộ	1	24/08/1976	051076003921	Kinh			Phát sinh
XVIII	Thôn Kỳ Thọ Nam 2 (số hộ 06, số khẩu 18)								
1	Nguyễn Văn Tâm	Chủ hộ	1	20/04/1965	051065010075	Kinh			
2	Trần Văn Huỳnh	Chủ hộ	1	07/08/1956	051056009868	Kinh			
3	Huỳnh Thị Mẫn	Chủ hộ	2	16/07/1957	051151004174	Kinh			
	Huỳnh Ngọc Dự	Cháu	1	18/05/2007	051207020002	Kinh			
4	Nguyễn Thị Mai	Chủ hộ	2	16/10/1937	051137007742	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Huỳnh Ngọc Dương	Con	1	05/07/1976	051076003801	Kinh			
5	Huỳnh Bé	Chủ hộ	1	08/01/1978	051078003787	Kinh			
	Ngô Thị Kim Hoài	Vợ	2	08/08/1988	051188003963	Kinh			
	Huỳnh Thị Thu Phương	Con	2	15/02/2006	051306002862	Kinh			
	Huỳnh Tấn Đạt	Con	1	12/03/2007	051207000162	Kinh			
	Huỳnh Thị Thu Phượng	Con	2	09/01/2011	051311000064	Kinh			
	Huỳnh Tấn Đại Gia Đầy	Con	1	22/04/2014	051214000095	Kinh			
	Huỳnh Ngô Thanh Thương	Con	2	14/04/2018	051318000482	Kinh			
6	Lê Thị Lý	Chủ hộ	2	27/10/1953	051153006185	Kinh			
	Huỳnh Thị Ngọc Thịnh	Con	2	12/8/1983	051183010692	Kinh			
	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	Cháu	2	16/09/1999	051199004230	Kinh			
	Huỳnh Tuấn Tú	Cháu	1	06/09/2011	051211006560	Kinh			
	Dương Huỳnh Tuấn Khang	Cháu	1	22/5/2022	051222003414	Kinh			
XIX	Thôn Kỳ Thọ Bắc (số hộ 07, số khẩu 17)								
1	Phạm Thị Luật	Chủ hộ	2	15/05/1955	051155006448	Kinh			
	Phạm Lê Tấn Biên	Cháu	1	01/06/2006	051206004807	Kinh			
2	Nguyễn Thị Nền	Chủ hộ	2	04/12/1968	051168019764	Kinh			
3	Nguyễn Thị Ý	Chủ hộ	2	06/12/1953	051153003726	Kinh			
	Nguyễn Quang Sang	Con	2	31/12/1988	089188007966	Kinh			
	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	Con	2	16/05/2009	089309008144	Kinh			
	Nguyễn Thị Diễm My	Con	1	09/09/1990	051090014454	Kinh			
	Nguyễn Thị Kim Yển	Cháu	2	05/10/2016	051316005226	Kinh			
	Nguyễn Quang Sáng	Cháu	1	15/07/2018	051218006475	Kinh			
4	Nguyễn Thị Nghiêm	Chủ hộ	2	16/06/1960	051160006616	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
5	Huỳnh Thị Kim Trúc	Chủ hộ	2	22/04/1957	051157006207	Kinh			
	Huỳnh Rin	Cháu	1	02/09/2000	051200008515	Kinh			
6	Nguyễn Thị Cần	Chủ hộ	2	16/12/1952	051152007768	Kinh			
	Nguyễn Văn Thiện	Cháu	1	03/06/1996	051096006216	Kinh			
7	Nguyễn Tiến Khải	Chủ hộ	1	01/05/1994	051094004875	Kinh			
	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	Con	1	30/01/2018	051218010152	Kinh			
	Nguyễn Huỳnh Anh Đức	Con	1	04/10/2019	051219008919	Kinh			
XX	Thôn Phú Châu (số hộ 08, số khẩu 17)								
1	Hồ Văn Trịnh	Chủ hộ	1	10/04/1978	051078007549	Kinh			
	Võ Thị Mai	Vợ	2	19/08/1980	051180006850	Kinh			
	Hồ Thị Thắm	Con	2	28/08/2013	051313002926	Kinh			
	Hồ Văn Hùng	Con	1	21/05/2008	051208003655	Kinh			
2	Nguyễn Thị Hương	Chủ hộ	2	30/10/1937	051137006905	Kinh			
3	Nguyễn Tấn Dương	Chủ hộ	1	28/12/1966	051066021473	Kinh			
4	Nguyễn Thị Thanh	Chủ hộ	2	20/10/1988	051188012080	Kinh			
	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Con	2	27/12/2012	051312004837	Kinh			
5	Nguyễn Thị Xuân	Chủ hộ	2	10/08/1936	051136004525	Kinh			
	Phạm Ngọc Đúng	Con	1	20/09/1965	051065018206	Kinh			
6	Nguyễn Thị Hòa	Chủ hộ	2	10/03/1964	051164009976	Kinh			
7	Nguyễn Thị Bường	Chủ hộ	2	25/10/1944	051144002876	Kinh			
	Hà Văn Tính	Con	1	25/10/1972	051072016991	Kinh			
8	Hồ Thị Vân	Chủ hộ	2	24/06/1976	051176016524	Kinh			
	Nguyễn Diên Viễn	Con	1	16/01/2000	051200008276	Kinh			
	Nguyễn Thị Lệ Diễm	Con	2	10/10/2002	051302010910	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Nguyễn Diên Viên	Con	1	14/03/1998	051098006515	Kinh			
XXI	Thôn Xuân Vinh (số hộ 06, số khẩu 13)								
1	Nguyễn Tấn Bảo	Chủ hộ	1	11/12/1936	051036003962	Kinh			
	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Vợ	2	20/12/1946	051147004255	Kinh			
2	Nguyễn Chánh	Chủ hộ	1	20/01/1939	051039000293	Kinh			
	Võ Thị Vân	Vợ	2	16/02/1944	051144003674	Kinh			
	Nguyễn Văn Mẹo	Con	1	10/12/1971	051071011636	Kinh			
	Nguyễn Văn Muộn	Con	1	26/10/1974	051074012582	Kinh			
3	Nguyễn Thị Hồng Phấn	Chủ hộ	2	20/05/1955	051155005706	Kinh			
4	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Chủ hộ	2	20/02/1990	051190015480	Kinh			
	Phan Thị Bích Ngọc	Con	2	29/08/2015	051315005647	Kinh			
5	Nguyễn Diên Công	Chủ hộ	1	17/03/1950	051050003780	Kinh			
	Trịnh Thị Lang	Cháu	2	20/02/1951	051151004199	Kinh			
6	Nguyễn Thị Trinh	Chủ hộ	2	10/05/1952	051152001172	Kinh			
	Nguyễn Thị Ái	Cháu	2	21/02/1961	051161001259	Kinh			
B	Danh sách hộ cận nghèo								
I	Thôn Châu Me (số hộ 05, số khẩu 14)								
1	Lê Thị Thành	Chủ hộ	2	05/01/1940	051140002847	Kinh		x	
	Lê Thị Tài	Cháu	2	01/01/1944	051144003055	Kinh			
2	Nguyễn Thị Thúy	Chủ hộ	2	02/01/1990	051190008972	Kinh			
	Nguyễn Danh Đạt	Con	1	26/01/2012	051212001107	Kinh			
	Nguyễn Danh Tài	Con	1	24/05/2013	051213012137	Kinh			
3	Cao Thị Liên	Chủ hộ	2	30/01/1955	051155006022	Kinh			
	Cao Nguyễn Tân	Cháu	1	06/05/1999	051099005425	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
4	Cao Thị Hiền	Chủ hộ	2	10/09/1962	051162008838	Kinh			
5	Cao Văn Chuẩn	Chủ hộ	1	06/10/1967	051067016576	Kinh			Phát sinh
	Trần Thị Năm	Vợ	2	27/7/1967	051167006986	Kinh			
	Cao Vĩnh Hà	Con	1	02/03/1993	051093016410	Kinh			
	Trần Thị Mai Sinh	Con	2	06/09/1997	051197005614	Kinh			
	Cao Thành Trung	Cháu	1	06/07/2020	051220002802	Kinh			
	Cao Hoài Nhiên	Cháu	2	01/09/2022		Kinh			
II	Thôn Xuân Ba (số hộ 04, số khẩu 18)								
1	Cao Thị Thương	Chủ hộ	2	04/10/1954	051154011346	Kinh			
	Võ Thị Ngọc Tịnh	Con	2	24/08/1996	051196009237	Kinh			
	Châu Võ Thùy Duyên	Con	2	03/5/2015	051315004307	Kinh			
	Châu Ngọc Cẩm Ly	Cháu	2	16/08/2016	051316008000	Kinh			
	Châu Phục Gia Bảo	Cháu	1	22/10/2019	051219006539	Kinh			
	Châu Phục Viên	Con	1	5/7/1988	051088009460	Kinh			
2	Cao Thị Bảy	Chủ hộ	2	01/01/1951	051151006331	Kinh			
	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Con	2	25/04/1988	051188010496	Kinh			
	Nguyễn Trần Bảo Khang	Cháu	2	27/02/2010	051310002864	Kinh			
	Nguyễn Anh Thư	Cháu	1	24/02/2017	051217003027	Kinh			
	Nguyễn Thị Kim An	Cháu	2	26/04/2012	051312008680	Kinh			
	Nguyễn An Nhiên	Cháu	2	02/04/2024	051324004081	Kinh			
3	Đỗ Kim Quân	Chủ hộ	1	26/6/1981	051081005706	Kinh			Phát sinh
	Võ Thuỳ Như Tuyết	Vợ	2	07/09/1979	056179010794	Kinh			
	Đỗ Trung Kiên	Con	1	15/1/2006	051206010768	Kinh			
	Đỗ Võ Như Quỳnh	Con	2	15/6/2009	051309000164	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
4	Nguyễn Trọng Hoàng Anh	Chủ hộ	1	20/07/1991	051091004830	Kinh			Phát sinh
	Nguyễn Trọng Hoàng Vũ	Em	1	10/05/1998	051098005316	Kinh			
III	Thôn An Ba (số hộ 5, số khẩu 16)								
1	Cao Thị Hồng Sáu	Chủ hộ	2	01/04/1948	040148001831	Kinh		x	
2	Nguyễn Tấn Hùng	Chủ hộ	1	18/10/1962	051062009522	Kinh			
3	Nguyễn Tấn Nhung	Chủ hộ	1	15/04/1973	051073009185	Kinh			
	Cao Thị Minh Nguyệt	Vợ	2	1/1/1980	051180015226	Kinh			
	Nguyễn Thị Bảo Ngân	Con	2	31/05/2014	051314004976	Kinh			
	Nguyễn Thị Bảo Thi	Con	2	15/02/2017	051317009490	Kinh			
	Nguyễn Thị Bảo Như	Con	2	27/12/2022	051322007359	Kinh			
4	Huỳnh Thị Thạm	Chủ hộ	2	20/02/1942	051142003571	Kinh			
	Huỳnh Đắc Việt	Con	1	05/10/1967	051067016350	Kinh			
5	Trần Văn Reo	Chủ hộ	1	14/4/1969	051069017275	Kinh			Phát sinh
	Phạm Thị Thủy	Vợ	2	04/10/1967	051167007595	Kinh			
	Trần Nam Thuyên	Con	1	27/8/1996	051096011029	Kinh			
	Trần Thị Thanh Thêm	Con	2	19/12/2002	051302005933	Kinh			
	Lê Thị Diễm Hoa	Con	2	31/12/1999	051199006525	Kinh			
	Trần Hạ Nhã Uyên	Cháu	2	24/7/2021	051321005670	Kinh			
	Trần Cát Kỳ	Cháu	1	24/6/2024	051224003936	Kinh			
IV	Thôn Mỹ Hưng (số hộ 01, số khẩu 04)								
1	Trần Thị Thuỷ	Chủ hộ	2	15/02/1979	051179008521	Kinh			
	Nguyễn Thị Thanh Bình	Con	2	10/10/2006	051306005430	Kinh			
	Nguyễn An Phương	Con	2	03/10/2013	051313001023	Kinh			
	Nguyễn Thị Ngọc Thịnh	Con	2	26/03/2005	051305006714	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
V	Thôn Đồng Xuân (số hộ 03, số khẩu 12)					Kinh			
1	Trương Văn Tình	Chủ hộ	1	01/01/1985	051085016110	Kinh			Phát sinh
	Đặng Thị Hương	Vợ	2	01/03/1991	0511910112687	Kinh			
	Trương Đặng Kha Ly	Con	2	09/07/2012	051312010341	Kinh			
	Trương Đặng Gia Huy	Con	1	11/01/2014	051214014640	Kinh			
	Trương Đặng Gia Bảo	Con	1	08/07/2018	051218005907	Kinh			
2	Trần Ni	Chủ hộ	1	18/01/1963	051063014847	Kinh			Phát sinh
	Trần Văn Kiên	Con	1	08/04/1997	051097015313	Kinh			
3	Lưu Thị Bé	Chủ hộ	2	05/10/1971	051171010759	Kinh			Phát sinh
	Từ Phước Lộc	Chồng	1	11/10/1968	051068013509	Kinh			
	Từ Thị Phương Tuyết	Con	2	02/12/2009	051309013213	Kinh			
	Từ Thị Phương Thảo	Con	2	30/4/1998	051198010840	Kinh			
	Từ Phước Thịnh	Con	1	30/4/1996	051096009151	Kinh			
VI	Thôn Ba Bình (số hộ 02, số khẩu 04)					Kinh			
1	Đàm Ngọc Giới	Chủ hộ	1	10/11/1989	051089008345	Kinh			
	Đàm Ngọc Trọng	Con	1	24/11/2009	051209001396	Kinh			
	Đàm Ngọc Trọn	Con	1	20/12/2011	051211006970	Kinh			
2	Nguyễn Thị Tâm	Chủ hộ	2	01/01/1970	051170005660	Kinh			
VII	Thôn Xuân Đình (số hộ 09, số khẩu 20)								
1	Võ Thị Thành	Chủ hộ	2	27/7/1947	051147005654	Kinh			
2	Đàm Nghiêu	Chủ hộ	1	27/07/1960	051060006585	Kinh			
	Cao Thị Sáu	Vợ	2	27/07/1953	051153003789	Kinh			
	Đàm Công Luyện	Con	1	08/11/1981	051085004039	Kinh			
	Lê Văn Tổng Dân	Cháu	1	01/04/2006	051206005396	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
3	Trần Thị Sinh	Chủ hộ	2	02/01/1947	051147005046	Kinh			
4	Nguyễn Thị Ba	Chủ hộ	2	05/02/1957	051157008568	Kinh			
	Huỳnh Đức Tiến	Con	1	20/01/1985	051085008460	Kinh			
5	Trương Cùa	Chủ hộ	1	10/01/1950	051050005290	Kinh			
	Nguyễn Thị Lắm	Vợ	2	07/02/1951	051151004953	Kinh			
6	Nguyễn Thị Nhung	Chủ hộ	2	02/02/1957	051157008300	Kinh			
	Đàm Thiên Kích	Con	1	13/08/1978	051078007649	Kinh			
7	Huỳnh Thị Lệ Ánh	Chủ hộ	2	10/02/1985	051185017871	Kinh			
	Đoàn Huỳnh Yến Nhi	Con	1	03/5/2011	051311007632	Kinh			
	Đoàn Huỳnh Gia Huy	Con	1	18/6/2021	051221005474	Kinh			
8	Huỳnh Thị Cuộc	Chủ hộ	2	01/01/1963	051163009727	Kinh			
9	Trần Thị Đào	Chủ hộ	2	02/4/1947	051147005393	Kinh			
	Võ Hoàng	Con	1	05/10/1974	051074011397	Kinh			
	Võ Duy Tân	Cháu	1	30/03/1999	051099004260	Kinh			
	Võ Thị Yên	Cháu	2	14/04/2009	068309001871	Kinh			
VIII	Thôn Thuận Hòa (số hộ 08, số khẩu 19)								
1	Lê Thị Hòa	Chủ hộ	2	02/6/1954	051154008254	Kinh		x	
2	Lê Thị Mới	Chủ hộ	2	10/02/1951	051151005753	Kinh			
3	Trần Chính	Chủ hộ	1	08/12/1942	051042004128	Kinh			
	Lê Thị Hồng Thúc	Vợ	2	11/05/1953	051153005252	Kinh			
	Trần Đức Thương	con	1	15/06/1991	051091013517	Kinh			
4	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Chủ hộ	2	25/07/1966	051166010022	Kinh			
	Cao Thị Mỹ Loan	Con	2	08/12/1995	051195007698	Kinh			
	Đinh Thị Như Ý	Cháu	2	25/9/2011	051311009429	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Đinh Thị Như Nguyễn	Cháu	2	05/12/2016	051316007534	Kinh			
	Phạm Bảo Ngọc	Cháu	2	02/9/2024	051324009083	Kinh			
5	Đinh Thị Xuân Hương	Chủ hộ	2	02/04/1964	051164005341	Kinh			
6	Huỳnh Thị Kim Liên	Chủ hộ	2	03/01/1951	051151004089	Kinh		x	
7	Nguyễn Thị Chân	Chủ hộ	2	01/01/1950	051150004835	Kinh			
	Võ Văn Tuệ	Con	1	24/05/1984	051084010541	Kinh			
	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Con	2	12/01/1994	052194017472	Kinh			
	Võ Nguyễn Hải Đăng	Cháu	1	03/01/2023	051223006994	Kinh			
8	Nguyễn Thị Liên	Chủ hộ	2	07/10/1962	051162010461	Kinh			Phát sinh
	Nguyễn Văn Hòa	Chồng	1	01/10/1953	051053003882	Kinh			
	Nguyễn Văn Hà	Con	1	01/10/1999	051099005904	Kinh			
IX	Thôn An Chỉ Tây (số hộ 07, số khẩu 20)								
1	Trần Minh Phương	Chủ hộ	1	10/12/1954	051054012249	Kinh			Phát sinh
	Lê Thị Thùy Nga	Vợ	2	17/6/1960	051160006601	Kinh			
2	Lê Thị Xuân Hương	Chủ hộ	2	07/05/1953	051153008205	Kinh			
	Phạm Kim Sơn	Con	1	28/08/1974	051074000714	Kinh			
	Phạm Thị Hồng Yến	Con	2	25/05/1978	051178009190	Kinh			
	Phạm Văn Hà	Cháu	1	17/09/2009	051209003927	Kinh			
	Phạm Văn Long	Cháu	1	10/03/2011	051211002429	Kinh			
3	Phạm Thị Thu Nguyệt	Chủ hộ	2	13/5/1969	051169012084	Kinh			
4	Phan Ngọc Thuyết	Chủ hộ	1	23/01/1966	051066020087	Kinh			Phát sinh
	Tổng Thị Ánh Phương	Vợ	2	20/7/1969	051169014853	Kinh			
5	Trần Văn Hà	Chủ hộ	1	17/03/1975	051075015228	Kinh			
	Lê Thị Xuân Trúc	Vợ	2	07/03/1980	051180012639	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Trần Văn Phúc	Con	1	02/08/1999	051099008357	Kinh			
6	Lưu Tám	Chủ hộ	1	09/10/1951	051051003770	Kinh			
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Vợ	2	20/09/1955	051155006334	Kinh			
	Lưu Minh Quy	Con	1	28/8/1989	051089013345	Kinh			
7	Trương Văn Dũng	Chủ hộ	1	09/09/1981	051081014305	Kinh			
	Lưu Thị Kiều Duyên	Vợ	2	05/01/1983	051183015138	Kinh			
	Trương Thị Kiều Diễm	Con	2	20/10/2007	051307005562	Kinh			
	Trương Thị Ánh Dương	Con	2	21/4/2023	051323002622	Kinh			
X	Thôn An Chỉ Đông (số hộ 06, số khẩu 17)								
1	Đàm Thân	Chủ hộ	1	05/10/1950	051050007490	Kinh			
	Cao Thị Liễu	Vợ	2	16/06/1957	051157005550	Kinh			
	Đàm Cao Trọng	Con	1	24/3/1997	051097012580	Kinh			
2	Nguyễn Thị Mùi	Chủ hộ	2	30/5/1947	051147002828	Kinh			
	Nguyễn Lữ Tuấn	Con	1	26/12/1974	051074014008	Kinh			
3	Lê Thị Bích Phượng	Chủ hộ	2	27/6/1982	051182010665	Kinh			
	Tô Tuấn Phát	Con	1	07/08/2008	051208007412	Kinh			
	Lê Minh Thư	Con	2	06/01/2019	051319011790	Kinh			
4	Cao Thị Yến	Chủ hộ	2	05/01/1968	051168009020	Kinh			
	Lê Thanh Ý	Con	1	02/02/1997	051097021720	Kinh			
	Lê Thanh Vương	Con	1	12/02/1991	051091015836	Kinh			
5	Cao Thế Vũ	Chủ hộ	1	20/08/1953	051053007259	Kinh			
	Nguyễn Thị Bảy	Vợ	2	04/06/1954	051154009080	Kinh			
	Cao Minh Quang	Con	1	10/08/1985	051085014088	Kinh			
	Bùi Thị Kim Anh	Con	2	20/04/1984	081184009060	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Cao Minh Sang	Con	1	23/03/2017	051217002701	Kinh			
6	Đàm Thị Nương	Chủ hộ	2	05/10/1961	051161006786	Kinh			
XI	Thôn Đề An (số hộ 07, số khẩu 23)								
1	Nguyễn Bường	Chủ hộ	1	15/10/1929	051029003572	Kinh			
	Nguyễn Quốc Nhật	Cháu	1	14/06/2008	051208009663	Kinh			
	Nguyễn Quốc Khánh	Cháu	1	24/01/2014	051214001686	Kinh			
	Nguyễn Xuân Quý	Cháu	1	17/01/2015	051315010275	Kinh			
2	Phan Ngọc Diện	Chủ hộ	1	01/01/1956	051056006102	Kinh			
	Phan Thị Nhật Thu	Vợ	2	20/02/1957	051157006531	Kinh			
	Phan Nguyễn Kim Ngân	Cháu	2	06/12/2015	051315013125	Kinh			
3	Lê Văn Trung	Chủ hộ	1	18/08/1978	051078010590	Kinh			
	Cao Thị Sương	Vợ	2	12/12/1980	051180007266	Kinh			
	Lê Văn Thuận	Con	1	03/11/2010	051210004310	Kinh			
	Lê Văn Kiên	Con	1	20/03/2012	051212010392	Kinh			
4	Nguyễn Tuấn Khanh	Chủ hộ	1	07/12/1958	051058004428	Kinh			
	Phan Thị Duyên	Vợ	2	02/02/1958	051158006432	Kinh			
5	Cao Thị Bé	Chủ hộ	2	06/04/1964	051164013848	Kinh			
6	Cao Văn Dũng	Chủ hộ	1	09/06/1972	051072015687	Kinh			
	Phan Thị Anh	Vợ	2	02/02/1978	051178007659	Kinh			
	Cao Thị Ái Huyền	Con	2	13/07/2004	051304006686	Kinh			
	Cao Thị Mỹ Duyên	Con	2	27/03/2012	051312004110	Kinh			
	Cao Văn Quốc Cường	Con	1	21/08/2008	051208009317	Kinh			
7	Lê Thanh Duy	Chủ hộ	1	20/04/1979	051079015038	Kinh			
	Trần Thị Hoàng Oanh	Vợ	2	19/08/1983	051183012314	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Lê Phú Quân	Con	1	12/10/2010	051210006171	Kinh			
	Lê Phú Quyền	Con	1	13/09/2015	051215004565	Kinh			
XII	Thôn Hòa Mỹ (số hộ 08, số khẩu 26)								
1	Nguyễn Thị Nguyệt	Chủ hộ	2	07/07/1962	051162007386	Kinh			
	Nguyễn Văn Mai	Chồng	1	04/05/1965	051065014965	Kinh			
2	Phan Thị Nhị	Chủ hộ	2	01/01/1960	051160003981	Kinh			
	Trần Phan Ngọc Duyên	Con	2	02/1/1991	051191004736	Kinh			
	Trần Đức Thiên	Con	1	04/02/1992	051092018322	Kinh			
	Nguyễn Trần Quốc Vỹ	Cháu	1	11/05/2007	051207018133	Kinh			
	Trần Nguyễn Phước Thịnh	Cháu	1	08/12/2019	051219011715	Kinh			
3	Văn Quang Thúc	Chủ hộ	1	15/02/1975	051075007391	Kinh			
	Nguyễn Thị Hải Nhi	Vợ	2	07/7/1976	051176019681	Kinh			
	Văn Quang Tuệ	Con	1	01/01/2003	051203012562	Kinh			
	Văn Nguyễn Tuyết Minh	Con	2	13/12/2005	051305004050	Kinh			
4	Huỳnh Thị Thủy	Chủ hộ	2	08/6/1963	051163011307	Kinh			
	Võ Thế Phương	Con	1	20/12/1990	051090006036	Kinh			
	Võ Đại Phát	Cháu	1	23/01/2015	051215010081	Kinh			
	Võ Đại Phước	Cháu	1	04/11/2017	051217011459	Kinh			
	Võ Đại Đức	Cháu	1	22/12/2017	051217002142	Kinh			
5	Văn Tấn Quốc	Chủ hộ	1	08/12/1957	051057004596	Kinh			
	Lê Thị Nhỏ	Vợ	2	05/4/1959	051159008858	Kinh			
6	Lê Thị Thanh Thuý	Chủ hộ	2	26/6/1968	051168017200	Kinh			
	Phạm Lê Thuý Hằng	Con	2	09/10/2006	051306004107	Kinh			
7	Đàm Thị Liên	Chủ hộ	2	20/3/1952	051152003318	Kinh			Phát sinh

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Đoàn Duy Cẩn	Con	1	20/10/1987	051087006740	Kinh			
8	Văn Quang Đạt	Chủ hộ	1	14/6/1974	051074013891	Kinh			
	Văn Thị Ánh Dương	Con	2	25/4/2006	051306005345	Kinh			
	Văn Quang Phát	Con	1	30/7/2008	051208010404	Kinh			
	Văn Thị Kim Ngân	Con	2	02/02/2012	051312006461	Kinh			
XIII	Thôn Hòa Quý (số hộ 09, số khẩu 20)								
1	Nguyễn Thị Thỏa	Chủ hộ	2	20/05/1960	051160004949	Kinh			
2	Lê Thị Hồng Đào	Chủ hộ	2	25/05/1940	051140005601	Kinh			
	Trần Thị Thanh Nương	Con	2	02/04/1975	051175009960	Kinh			
	Trần Huyền Vũ	Con	1	01/11/1977	051077005140	Kinh			
3	Kiều Mười	Chủ hộ	1	15/10/1967	051067014797	Kinh			
	Nguyễn Thị Xuân Thương	Vợ	2	10/12/1966	051166005441	Kinh			
4	Võ Hòa	Chủ hộ	1	02/03/1940	051040000119	Kinh			Chuyển cận nghèo
	Nguyễn Thị Lê	Vợ	2	04/04/1945	051145005588	Kinh			
5	Phạm Thị Trĩ	Chủ hộ	2	02/09/1933	051133004313	Kinh			Chuyển cận nghèo
	Trần Văn Mười	Con	1	12/11/1975	051075008307	Kinh			
	Trần Lê Anh Kiệt	Cháu	1	28/07/1997	051097016892	Kinh			
6	Nguyễn Hạnh	Chủ hộ	1	01/01/1970	051070025669	Kinh			Phát sinh
	Lê Thị Thu Hồng	Vợ	2	18/02/1974	052174017536	Kinh			
7	Bùi Thanh Tín	Chủ hộ	1	06/11/1972	051072018915	Kinh			Phát sinh
	Đoàn Thị Thái	Vợ	2	13/11/1972	051172010003	Kinh			
8	Bùi Văn Phong	Chủ hộ	1	20/12/1943	051043004832	Kinh			Phát sinh
	Trương Thị Hồng	Vợ	2	09/11/1952	060152006105	Kinh			
9	Phan Văn Chí	Chủ hộ	1	09/09/1948	051048002344	Kinh			Phát sinh

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Phạm Thị Ngọc Lan	Vợ	2	01/01/1951	051151003516	Kinh			
	Phan Thị Bé	Con	2	01/01/1976	051176017066	Kinh			
XIV	Thôn Hòa Vinh (số hộ 07, số khẩu 21)								
1	Võ Thanh Tú	Chủ hộ	1	08/04/1977	051177014777	Kinh			
	Nguyễn Võ Quý Trọng	Con	1	24/04/2015	051215014882	Kinh			
	Nguyễn Võ Trường Sang	Con	1	26/10/2006	051206004182	Kinh			
	Nguyễn Võ Trà Giang	Con	2	16/06/2004	051304004860	Kinh			
2	Phạm Vi Tín	Chủ hộ	1	17/09/1959	051059007094	Kinh			
	Võ Thị Hoàng	Vợ	2	10/11/1959	051159009365	Kinh			
	Phạm Công Ân	Con	1	10/06/1986	051086010369	Kinh			
3	Lê Thị Hiền	Chủ hộ	2	16/12/1953	051153004339	Kinh			
4	Nguyễn Thị Kim Huyền	Chủ hộ	2	02/11/1991	051191005537	Kinh			
	Nguyễn Kim Đông	Con	1	07/01/2011	051211011838	Kinh			
	Nguyễn Kim Đại	Con	1	14/07/2012	051212015413	Kinh			
	Nguyễn Việt Khánh	Con	1	19/10/2020	051220007084	Kinh			
	Nguyễn Như Ý	Con	2	19/10/2020	051320006796	Kinh			
5	Ngô Đình Hưng	Chủ hộ	1	28/02/1980	051180008695	Kinh			
	Bùi Thị Khoa	Vợ	2	19/05/1981	051181016416	Kinh			
	Ngô Bùi Văn Tiên	Con	1	23/07/2009	051209007009	Kinh			
	Ngô Vạn Tiên	Con	2	31/12/2011	051211010913	Kinh			
	Ngô Quốc Việt	Con	2	21/03/2017	051217004833	Kinh			
6	Lê Thị Kim Loan	Chủ hộ	1	10/11/1951	051151005077	Kinh			
7	Đỗ Thị Tuyết	Chủ hộ	2	10/08/1972	051172013830	Kinh			Phát sinh
	Đỗ Tấn Phước	Con	1	30/8/2016	05121601362	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
XV	Thôn Hòa Sơn (số hộ 03, số khẩu 11)					Kinh			
1	Trần Quang	Chủ hộ	1	20/02/1943	051043002903	Kinh			
	Nguyễn Thị Chính	Vợ	2	20/05/1946	051146006406	Kinh			
	Trần Văn Hà	Con	1	20/02/1977	051077009193	Kinh			
2	Huỳnh Tấn Lát	Chủ hộ	1	05/01/1990	051090010546	Kinh			
	Phạm Thị Sâm	Vợ	2	26/07/1990	051190017087	Kinh			
	Huỳnh Ngọc Uyên Trinh	Con	2	24/11/2018	051318006324	Kinh			
	Huỳnh Ngọc Uyên Thu	Con	2	09/05/2016	051316003967	Kinh			
3	Nguyễn Thị Thu Thúy	Chủ hộ	2	14/07/1988	051188005987	Kinh			
	Phạm Nguyễn Thành Hưng	Con	1	28/07/2008	051208002587	Kinh			
	Nguyễn Phú Trọng	Cháu	1	27/05/2019	051219004459	Kinh			
	Phạm Nguyễn Bảo Châu	Cháu	2	11/10/2012	051312002082	Kinh			
XVI	Thôn Hòa Thọ (số hộ 13, số khẩu 39)								
1	Lê Cột	Chủ hộ	1	23/03/1975	051075013781	Kinh			
	Huỳnh Thị Sâm	Vợ	2	24/06/1981	051181014209	Kinh			
	Lê Huỳnh Nhật Lâm	Con	1	01/02/2012	051212010355	Kinh			
2	Huỳnh Tấn Thu	Chủ hộ	1	30/08/1968	051068018616	Kinh			
	Đỗ Thị Bê	Vợ	2	01/01/1969	051169010110	Kinh			
	Huỳnh Tấn Vũ	Con	1	27/02/1998	051098010709	Kinh			
	Huỳnh Thị Thu Nga	Con	2	01/01/1996	051196012747	Kinh			
	Huỳnh Thị Tường Vy	cháu	2	25/08/2005	051305009846	Kinh			
	Huỳnh Thị My My	cháu	2	05/05/2008	051308004523	Kinh			
3	Nguyễn Thanh Cang	Chủ hộ	1	07/08/1970	051070028278	Kinh			
	Phạm Thị Hiền	Vợ	2	08/10/1983	040183011929	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Nguyễn Phạm Thành Thanh	Con	1	24/08/2008	051208010463	Kinh			
	Nguyễn Phạm Thanh Thành	Con	1	09/07/2011	051211013965	Kinh			
4	Võ Thị Lại	Chủ hộ	2	10/10/1956	051156011367	Kinh			
	Nguyễn Duy Thuyền	Con	1	10/04/1991	051091003280	Kinh			
	Nguyễn Ngọc Truyền	Con	1	20/08/1994	051194003204	Kinh			
	Nguyễn Ánh Tuyết	Con	2	13/08/2010	051310000462	Kinh			
	Nguyễn Tiến Nam	Cháu	1	19/01/2021	051221000349	Kinh			
5	Phạm Thị Thúy Lại	Chủ hộ	2	18/03/1985	051185006487	Kinh			
	Phạm Văn Quang Ninh	Con	1	21/10/2014	051214009289	Kinh			
6	Lê Thị Thanh Phương Loan	Chủ hộ	2	02/01/1986	051186012201	Kinh			
	Lê Hồng Quyền	Con	1	18/02/2008	051208001588	Kinh			
	Lê Thị Như Uyên	Con	2	17/11/2009	051309006050	Kinh			
	Lê Thị Như Quỳnh	Con	2	08/02/2005	051305011340	Kinh			
7	Trần Thị Vinh	Chủ hộ	2	25/04/1974	051174009333	Kinh			
	Trần Văn Luận	Con	1	15/08/2001	051201002931	Kinh			
8	Hồ Thị Thủy Nguyệt	Chủ hộ	2	01/01/1970	051170011992	Kinh			
	Huỳnh Đức Huy	Con	1	02/06/2001	051201012965	Kinh			
	Huỳnh Thị Mai Trâm	Con	2	04/04/2003	051303011435	Kinh			
	Huỳnh Thị Mai Lan	Con	2	14/11/2005	051305005091	Kinh			
9	Phạm Thị Hảo	Chủ hộ	2	06/09/1966	051166005648	Kinh			
10	Phạm Tân	Chủ hộ	1	21/07/1968	051068020975	Kinh			
	Huỳnh Thị Nữ	Vợ	2	23/12/1974	051174010644	Kinh			
	Phạm Minh Tiến	Con	1	03/07/2013	051213004125	Kinh			
11	Lê Thị Nga	Chủ hộ	2	10/09/1953	051153006120	Kinh			Phát sinh

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
12	Lê Tấn Thành	Chủ hộ	1	16/09/1965	051065012985	Kinh			Phát sinh
	Nguyễn Thị Yến	Vợ	2	01/05/1967	051167006705	Kinh			
13	Võ Thị Máy	Chủ hộ	2	05/07/1971	051171012199	Kinh			Phát sinh
	Võ Đình Nguyên	Cháu	1	31/05/2013	051213014182	Kinh			
XVII	Thôn Kỳ Thọ Nam 1 (số hộ 4, số khẩu 13)								
1	Trần Thị Thủy	Chủ hộ	2	15/08/1980	051180011125	Kinh			
	Trần Duy Hùng	Con	1	30/12/2007	051207011725	Kinh			
	Trần Duy Mạnh	Con	1	27/06/2017	051217000360	Kinh			
2	Phạm Thị Điềm	Chủ hộ	2	13/01/1966	051166009772	Kinh			
	Huỳnh Thị Thanh Hằng	Con	2	11/11/1994	051194013954	Kinh			
	Huỳnh Thái Linh	Cháu	1	09/04/2015	051315004681	Kinh			
	Huỳnh Thái Thiên Nghi	Cháu	2	23/05/2023	051323003358	Kinh			
3	Nguyễn Nga	Chủ hộ	1	20/05/1965	051065015220	Kinh			
	Nguyễn Thị Tựu	Vợ	2	01/01/1966	051166007096	Kinh			
	Nguyễn Đình Phương	Con	1	03/05/1998	051098002708	Kinh			
	Nguyễn Thị Thu Sương	Con	2	10/04/1991	051191015962	Kinh			
4	Võ Văn Khánh	Chủ hộ	1	02/04/1951	051051003261	Kinh			
	Nguyễn Thị Phượng	Vợ	2	03/07/1953	051153003106	Kinh			
XVIII	Thôn Kỳ Thọ Nam 2 (số hộ 04, số khẩu 09)								
1	Đàm Thị Chung	Chủ hộ	2	02/03/1937	051137003946	Kinh			Chuyển cận nghèo
	Nguyễn Bút	Con	1	20/10/1968	051068017850	Kinh			
2	Đỗ Thị Kim Phượng	Chủ hộ	2	20/04/1985	051185013435	Kinh			Chuyển cận nghèo
	Trần Thị Xuân Hương	Con	2	11/03/2005	051305010247	Kinh			
	Trần Thị Tường Vy	Con	2	28/11/2007	051307008053	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Trần Thị Kim Ngân	Con	2	28/05/2014	051314013714	Kinh			
3	Võ Thị Mỹ Lợi	Chủ hộ	2	06/06/1971	051171007770	Kinh			Chuyển cận nghèo
	Võ Thị Ny Na	Con	2	18/04/2007	051307012060	Kinh			
4	Huỳnh Thị Trúc	Chủ hộ	2	09/06/1936	051136006868	Kinh		x	Chuyển cận nghèo
XIX	Thôn Kỳ Thọ Bắc (số hộ 03, số khẩu 16)								
1	Nguyễn Văn Lộc	Chủ hộ	1	15/02/1983	051083007582	Kinh			
	Lê Thị Hân	Vợ	2	23/11/1985	051185017853	Kinh			
	Nguyễn Lê Kim Hoàng	Con	2	15/02/2012	051212009647	Kinh			
	Nguyễn Lê Kim Nhi	Con	2	16/03/2010	051310008983	Kinh			
2	Nguyễn Ngọc	Chủ hộ	1	22/12/1984	051084010990	Kinh			
	Lê Thị Phi Bông	Vợ	2	17/11/1985	051185009804	Kinh			
	Nguyễn Lê Khánh Vy	Con	2	18/10/2013	051313003356	Kinh			
	Nguyễn Lê Anh Nguyên	Con	1	26/03/2012	051212010059	Kinh			
3	Nguyễn Thị Hiệu	Chủ hộ	2	02/03/1958	051158005049	Kinh			
	Nguyễn Văn Trung	Chồng	1	08/04/1954	051054013039	Kinh			
	Nguyễn Thị Thùy Hận	Con	2	10/04/1984	051184005505	Kinh			
	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	Cháu	2	13/08/2020	051320004398	Kinh			
	Nguyễn Đức Thắng	Cháu	1	03/10/2021	051221008289	Kinh			
	Nguyễn Đức Minh Nguyệt	Cháu	2	02/05/2012	051312011820	Kinh			
	Nguyễn Đức Minh Trà	Cháu	2	04/12/2014	051314002379	Kinh			
	Nguyễn Đức Quý	Cháu	1	26/10/2023	51223008707	Kinh			
XX	Thôn Phú Châu (số hộ 03, số khẩu 13)								
1	Nguyễn Liêm	Chủ hộ	1	10/01/1966	051066012813	Kinh			
	Nguyễn Thị Thu Ba	Vợ	2	12/01/1965	051165012827	Kinh			

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động	Ghi chú
	Nguyễn Trung Khiết	Con	1	10/12/1986	051086018105	Kinh			
	Nguyễn Thảo Nguyên	Con	2	01/01/2011	051311002254	Kinh			
2	Phạm Ngọc Sơn	Chủ hộ	1	13/07/1964	051064017824	Kinh			
	Trần Thị Ngọc	Vợ	2	02/08/1970	051170006730	Kinh			
	Phạm Kim Tuyền	Cha	2	07/10/1937	051037002203	Kinh			
	Phạm Ngọc Tịnh	Con	2	20/01/1993	051093014293	Kinh			
3	Huỳnh Văn Nhung	Chủ hộ	1	03/08/1978	051078016101	Kinh			
	Nguyễn Thị Thúy Loan	Vợ	2	15/02/1984	051184008281	Kinh			
	Huỳnh Thị Ánh Thư	Con	2	14/07/2005	051305014364	Kinh			
	Huỳnh Thị Quỳnh Như	Con	2	27/01/2010	051310006527	Kinh			
	Huỳnh Nhật Huy	Con	1	13/10/2016	051216013598	Kinh			
XX I	Thôn Xuân Vinh (số hộ 04, số khẩu 8)								
1	Võ Thị Cẩm Linh	Chủ hộ	2	09/10/1972	051172009478	Kinh			
	Lê Văn Nghĩa	Chồng	1	06/11/1970	051070024952	Kinh			
	Lê Thị Hoài Thương	Con	2	24/11/1996	051196014846	Kinh			
	Lê Thị Hạnh Nhân	Con	2	05/11/2006	051306008687	Kinh			
2	Nguyễn Minh Trí Vỹ	Chủ hộ	1	09/11/1973	051073014775	Kinh			
3	Trần Thị Nhung	Chủ hộ	2	20/10/1971	051171013110	Kinh			
4	Nguyễn Thị Chi	Chủ hộ	2	08/12/1974	051174006555	Kinh			Phát sinh
	Võ Văn Thuận	Chồng	1	24/4/1976	051076018659	Kinh			
Tổng cộng danh sách: Có 129 hộ nghèo, 300 khẩu; Có 115 hộ cận nghèo, 343 khẩu									

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

Năm rà soát 2025

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi chú
A	Danh sách hộ thoát nghèo				
I	Thôn Châu Me (số hộ..., số khẩu...)				
II	Thôn Xuân Ba (số hộ 01, số khẩu 01)				
1	Trần Thị Nhon	Chủ hộ	2	20/12/1942	Chết
III	Thôn An Ba (số hộ 07, số khẩu 07)				
1	Huỳnh Thị Mận	Chủ hộ	Nữ	21/11/1937	
2	Lê Thị Trinh	Chủ hộ	Nữ	12/06/1941	
	Cao Thị Tường Vi	Cháu	Nữ	25/08/2005	
3	Trần Tới	Chủ hộ	Nam	05/02/1928	Chết
	Nguyễn Thị Về	Vợ	Nữ	03/07/1936	Chết
4	Nguyễn Thị Phúc	2	Nữ	10/02/1935	Chết
5	Huỳnh Thị Bích Liên	2	Nữ	23/07/1944	Chết
IV	Thôn Mỹ Hưng (số hộ..., số khẩu...)				
V	Thôn Đồng Xuân (số hộ 03, số khẩu 03)				
1	Nguyễn Thị Do	Chủ hộ	2	01/01/1946	
2	Nguyễn Thị Mai	Chủ hộ	2	03/10/1946	
3	Bùi Thị Vàng	Chủ hộ	2	24/10/1959	
VI	Thôn Ba Bình (số hộ..., số khẩu...)				
VII	Thôn Xuân Đình (số hộ 02, số khẩu 02)				
1	Trương Thị Hương	Chủ hộ	2	10/12/1964	Chết
2	Đàm Xuân	Chủ hộ	1	01/01/1936	Chết
VIII	Thôn Thuận Hòa (số hộ 0, số khẩu 0)				
IX	Thôn An Chỉ Tây (số hộ 05, số khẩu 13)				
1	Lê Thị Lý	Chủ hộ	2	01/02/1936	
	Nguyễn Thị Bảy	Con	2	01/01/1974	
	Võ Việt Tiến	Cháu	1	14/08/2008	
2	Nguyễn Muộn	Chủ hộ	1	15/6/1939	
	Đoàn Thị Hai	Vợ	2	14/11/1950	
	Nguyễn Tiên	Con	1	16/5/1979	
	Lê Thị Tuyết	Con	2	21/10/1975	
	Nguyễn Công Hậu	Cháu	1	20/8/2010	
	Nguyễn Gia Huy	Cháu	1	03/5/2017	
3	Phan Thị Bông	Chủ hộ	2	16/3/1939	
4	Cao Thị Bốn	Chủ hộ	2	10/02/1954	

4	Trương Thị Thúy Phượng	Con	2	29/4/1994	
5	Nguyễn Thị Huê	Chủ hộ	2	20/4/1953	
X	Thôn An Chỉ Đông (số hộ 05, số khẩu 12)				
1	Đàm Thị Nương	Chủ hộ	1	05/10/1961	
2	Phạm Ngọc Chín	Chủ hộ	1	02/10/1940	
	Huỳnh Thị Phần	Vợ	2	15/02/1946	
3	Nguyễn Thị Tư	Chủ hộ	1	10/10/1933	
4	Võ Thị Kỳ	Chủ hộ	2	10/12/1938	
	Nguyễn Thị Thu	Con	2	01/01/1962	
	Nguyễn Văn Thảo	Cháu	1	08/02/1992	
5	Nguyễn Thị Huệ	Chủ hộ	2	08/4/1972	
	Cao Thị Hà Nhi	Con	2	04/9/1993	
	Cao Thị Mỹ Lệ	Con	2	16/6/1996	
	Cao Ngọc Quang	Con	1	23/02/2010	
	Cao Thị Trúc Ly	Mẹ	2	10/3/2019	
XI	Thôn Đề An (số hộ 05, số khẩu 08)				
1	Nguyễn Việt	Chủ hộ	1	10/12/1936	
	Nguyễn Thị Rợ	Con	2	12/4/1965	
2	Nguyễn Thị Như	Chủ hộ	2	15/02/1938	chết
3	Phan Quang Dũng	Chủ hộ	1	05/02/1966	
	Nguyễn Thị Hải	Vợ	2	13/8/1965	
	Phan Thị Phương Hiền	Con	2	20/02/1987	
4	Lê Thị Mai	Chủ hộ	2	02/7/1941	
5	Phạm Thị Lan	Chủ hộ	2	20/11/1943	
XII	Thôn Hòa Mỹ (số hộ 05, số khẩu 09)				
1	Trần Thị Liên	Chủ hộ	2	07/10/1958	
	Phạm Thị Luyến	Con	2	23/5/1997	
2	Trần Thị Hoa	Chủ hộ	2	06/7/1949	
3	Văn Thị Lan	Chủ hộ	2	02/3/1946	
4	Đỗ Thị Em	Chủ hộ	2	01/01/1962	
	Nguyễn Thị Minh Tâm	Con	2	08/01/1998	
	Lê Hoàng Nhật Tân	Cháu	1	29/10/2016	
5	Trần Văn Thành	Chủ hộ	1	20/9/1945	
	Lê Thị Ba	Vợ	2	05/7/1948	
XIII	Thôn Hòa Quý (số hộ 03, số khẩu 06)				
1	Võ Hoà	Chủ hộ	1	02/3/1940	
	Nguyễn Thị Lê	Vợ	2	04/4/1945	
2	Phạm Thị Trĩ	Chủ hộ	2	02/9/1933	
	Trần Lê Anh Kiệt	Cháu	1	28/7/1997	
	Trần Văn Mười	Con	1	12/11/1975	
3	Lục Thị Soại	Chủ hộ	2	15/9/1943	
XIV	Thôn Hòa Vinh (số hộ 04, số khẩu 13)				
1	Điệp Thị Hai	Chủ hộ	2	18/6/1929	
	Nguyễn Văn Bình	Con	1	12/3/1963	
2	Nguyễn Tèo	Chủ hộ	1	24/10/1975	
	Nguyễn Thị Biết	Vợ	2	12/01/1970	
	Nguyễn Thị Lan	Con	2	08/01/2000	
	Nguyễn Thị Thuý Nữ	Con	2	19/6/2007	

	Nguyễn Hoàng	Cháu	1	08/9/2011	
3	Nguyễn Thị Kim Huyền	Chủ hộ	2	02/11/1991	<i>HN chuyển qua HCN</i>
	Nguyễn Kim Đông	Con	1	07/01/2011	
	Nguyễn Kim Đại	Con	1	14/7/2012	
	Nguyễn Việt Khánh	Con	1	19/10/2020	
	Nguyễn Như Ý	Con	2	19/10/2020	
4	Hồ Thị Phận	Chủ hộ	2	26/3/1937	
XV	Thôn Hòa Sơn (số hộ 02, số khẩu 03)				
1	Phạm Thị Thuận	Chủ hộ	2	08/10/1946	<i>CHẾT</i>
2	Nguyễn Phương Tỵ	Chủ hộ	1	26/6/1951	
	Huỳnh Thị Kim Nga	Con	2	05/8/1953	
XVI	Thôn Hòa Thọ (số hộ 07, số khẩu 14)				
1	Nguyễn Thị Cư	Chủ hộ	2	16/8/1946	
2	Nguyễn Thị Kim Loan	Chủ hộ	2	10/02/1954	
	Nguyễn Thị Hồng	Vợ	2	11/01/1969	
3	Nguyễn Liễu	Chủ hộ	1	10/10/1939	
	Phạm Thị Bút	Vợ	2	10/10/1945	
	Nguyễn Anh Tuấn	Con	1	15/6/1968	
4	Nguyễn Vân	Chủ hộ	1	06/8/1950	
5	Đặng Thị Mỹ	Chủ hộ	2	22/02/1951	
6	Nguyễn Hoàng	Chủ hộ	1	20/8/1975	
	Nguyễn Thị Hoàng	Vợ	2	21/8/1975	
	Nguyễn Duy Phương	Con	1	10/10/2001	
7	Bùi Ngoan	Chủ hộ	1	12/5/1972	
	Bùi Thị Ánh Duyên	Con	2	08/9/2012	
	Bùi Anh Quy	Con	1	08/9/2012	
XVII	Thôn Kỳ Thọ Nam 1 (số hộ 08, số khẩu 22)				
1	Nguyễn Thị Quy	Chủ hộ	2	04/07/1972	
	Trần Thị Hoài như	Con	2	01/08/2004	
2	Nguyễn Đăng chúng	Chủ hộ	1	16/06/1942	
	Nguyễn Thị Xuân	Vợ	2	01/02/1947	
3	Huỳnh Thị Hoa	Chủ hộ	2	02/02/1967	
	Huỳnh Thị Kim Cẩm	Con	2	21/06/2007	
4	Trần Thị Pháp	Chủ hộ	2	19/09/1949	
5	Đàm Thu Sang	Chủ hộ	1	10/01/1970	
	Võ Thị Lập	Vợ	2	01/01/1975	
	Đàm Thị Đông	Con	2	26/03/2002	
	Đàm Thị Huệ	Con	2	20/10/2003	
	Đàm Vũ Tươi	Con	1	07/01/2005	
	Đàm Thị Kim Ngọc	Con	2	12/03/2021	
6	Võ Tấn Huy	Chủ hộ	1	07/07/1972	
	Đoàn Thị Kim Xuyên	Vợ	2	01/06/1977	
	Võ Thị Thu Phương	Con	2	10/03/2003	
	Võ Văn Định	Con	1	15/06/2007	
	Võ Văn Nam	Con	1	12/11/2004	
7	Đỗ Văn Sâm	Chủ hộ	1	03/03/1963	
	Nguyễn Thị Hạnh	Vợ	2	04/02/1965	
	Đỗ Anh Quân	Cháu	1	21/09/2017	
8	Lê Văn Nhân	Chủ hộ	1	01/01/1950	

XVIII	Thôn Kỳ Thọ Nam 2 (số hộ 07, số khẩu 13)				
1	Huỳnh Thị Trúc	Chủ hộ	2	09/06/1936	Chuyển qua hộ CN
2	Đàm Thị Chung	Chủ hộ	2	02/03/1937	Chuyển qua hộ CN
	Nguyễn Bút	Con	1	20/10/1968	
3	Đỗ Thị Kim Phụng	Chủ hộ	2	20/04/1985	Chuyển qua hộ CN
	Trần Thị Xuân Hương	Con	2	11/03/2005	
	Trần Thị Tường Vy	Con	2	28/11/2007	
	Trần Thị Kim Ngân	Con	1	15/10/1992	
4	Võ Thị Mỹ Lợi	Chủ hộ	2	06/06/1971	Chuyển qua hộ CN
	Võ Thị Ny Na	Con	2	18/04/2007	
5	Nguyễn Thị Liên	Chủ hộ	2	12/08/1934	
6	Nguyễn Thị Thân	Chủ hộ	2	15/04/1936	
7	Huỳnh Thị Thu Như	Chủ hộ	2	20/02/1978	
	Huỳnh Nguyễn Như Quỳnh	Con	2	27/07/2008	
XIX	Thôn Kỳ Thọ Bắc (số hộ 07, số khẩu 17)				
1	Huỳnh Phụng	CH	1	08/08/1948	
	Huỳnh Tấn Ba	Con	1	03/02/1972	
	Huỳnh Thị Bốn	Con	2	12/09/1976	
	Huỳnh Thị Bảy	Con	2	01/11/1979	
	Huỳnh Tấn Vũ	Cháu	1	16/05/2005	
	Huỳnh Thị Hiếu	Cháu	2	18/03/2008	
	Huỳnh Thị Thúy Thương	Cháu	2	28/08/2017	
2	Nguyễn Thị Thu	CH	2	31/10/1969	
	Nguyễn Khánh Ly	Cháu	2	06/04/2007	
3	Chê Thị Gái	CH	2	20/03/1950	
	Lê Thị Thương	Con	2	1973	
	Lê Đức Hiếu	Cháu	1	24/04/2003	
4	Trương Thị Lắm	CH	2	15/09/1949	
5	Lê Thị Phúc	CH	2	12/04/1951	
	Nguyễn Thị Thu Thoại	Con	2	27/10/1978	
6	Bùi Thị Lâm	CH	2	11/12/1948	
7	Huỳnh Thị Cúc	CH	2	26/03/1953	chết tháng 7/2025
XX	Thôn Phú Châu (số hộ 08, số khẩu 16)				
1	Nguyễn Thông	CH	1	05/06/1972	
	Võ Thị Nở	Vợ	2	22/02/1970	
	Nguyễn Văn Tới	Con	1	06/04/2002	
	Nguyễn Thị Kim Thịnh	Con	2	24/03/2005	
2	Nguyễn Thị Vân	CH	2	02/05/1938	
	Nguyễn Hồ Đình	Con	1	20/08/1970	
	Nguyễn Hồ Kim Thoại	Cháu	2	13/6/2012	
3	Nguyễn Thành	CH	1	08/02/1931	
4	Võ Ngọc Ngân	CH	1	21/10/1995	
	Lê Thị Ve	Mẹ	2	20/05/1962	
5	Nguyễn Thị Nà	CH	2	20/10/1936	
6	Nguyễn Thị Nương	CH	2	01/01/1969	
7	Nguyễn Thị Hồng	CH	2	19/03/1946	
8	Nguyễn Tấn	CH	1	03/07/1932	
	Nguyễn Thị Xuân Lan	Vợ	2	05/10/1939	
	Nguyễn Vĩnh Trí	Con	1	01/01/1970	

XXI	Thôn Xuân Vinh (số hộ 07, số khẩu 14)				
1	Nguyễn Thị Thanh	Chủ hộ	2	20/08/1947	
	Nguyễn Trần Thị Hồng My		2	25/05/2012	
2	Đặng Thị Nho	Chủ hộ	2	04/08/1951	
3	Bùi Thị Lứu	Chủ hộ	2	10/02/1929	
4	Phan Hoàng	Chủ hộ	1	15/07/1938	
	Võ Thị Bổng		2	01/01/1946	
5	Nguyễn Duy Dương	Chủ hộ	1	12/02/1949	
	Nguyễn Thị Thanh		2	24/08/1951	
6	Phạm Thị Thơm	Chủ hộ	2	16/12/1987	
	Nguyễn Chí Bảo Nguyên		1	17/02/2011	
	Nguyễn Thị Chí Trúc		2	17/08/2008	
7	Nguyễn Vũ Hoàng	Chủ hộ	1	02/01/1947	
	Lê Thị Lang		2	10/04/1952	
	Nguyễn Vũ Thành Long		1	2006	
B	Danh sách hộ thoát cận nghèo				
I	Thôn Châu Me (số hộ 03, số khẩu 05)				
1	Nguyễn Thị Nhơn	Chủ hộ	2	1/1/1941	
2	Cao Thị Mỹ Linh	Chủ hộ	2	04/03/1974	
	Trần Trung Kiên	Cháu	1	07/12/2004	
3	Cao Thị Kim Anh	Chủ hộ	2	6/3/1961	
	Trần Thị Kiều Trinh	Con	2	20/2/1998	
II	Thôn Xuân Ba (số hộ 4, số khẩu 13)				
1	Trần Truyền	Chủ hộ	1	07/05/1939	
	Nguyễn Thị Hoàng	Vợ	2	14/4/1940	
	Trần Thị Phụng	Con	2	11/12/1972	
	Ngô Trần Hữu Phúc	Cháu	1	24/3/2006	
	Ngô Trần Thanh Nguyên	Cháu	1	13/01/2008	
2	Lâm Thị Hương	Chủ hộ	2	01/01/1937	
	Trần Minh Nghĩa	Cháu	1	29/01/2002	
3	Tạ Thị Loan	Chủ hộ	2	1950	
4	Cao Văn Đức	Chủ hộ	1	10/10/1983	
	Huỳnh Thị Thúy	Vợ	2	10/09/1985	
	Cao Thị Thúy Kiều	Con	2	20/09/2005	
	Cao Quốc Tiến	Con	1	09/11/2008	
	Cao Quốc Đạt	Con	1	09/11/2011	
III	Thôn An Ba (số hộ 6, số khẩu 10)				
1	Trần Đước	Chủ hộ	1	06/7/1945	
	Huỳnh Thị Hòe	Vợ	2	05/02/1949	
2	Huỳnh Thới	Chủ hộ	1	20/03/1940	
	Trần Thị Ba	Vợ	2	05/02/1942	
	Huỳnh Văn Thi	Cháu	1	08/03/2002	
3	Nguyễn Thị Bưởi	Chủ hộ	2	20/02/1943	
4	Nguyễn Thị Phúc	Chủ hộ	2	10/02/1935	
5	Trần Thị Tư	Chủ hộ	2	18/04/1952	
6	Nguyễn Phước	Chủ hộ	1	20/3/1949	

	Nguyễn Thị Tiến	Vợ	2	20/6/1949	
IV	Thôn Mỹ Hưng (số hộ 03, số khẩu 06)				
1	Nguyễn Thị Hương	Chủ hộ	2	02/02/1931	
	Nguyễn Thị Lo	Con	2	20/12/1958	
2	Đương Thị Dung	Chủ hộ	2	02/02/1949	
	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Con	2	10/03/1977	
	Nguyễn Thanh Tạo	Con	1	19/05/1987	
3	Nguyễn Thị Vân	Chủ hộ	2	03/03/1958	
V	Thôn Đồng Xuân (số hộ 03, số khẩu 06)				
1	Huỳnh Thị Tài	Chủ hộ	2	15/3/1949	
2	Trần Thị ÚT	Chủ hộ	2	01/01/1949	
	Đặng Ngọc Xuân	Cháu	1	19/05/2010	
	Đặng Thị Ngọc Thảo	Cháu	2	18/06/2014	
3	Trần Văn Đà	Chủ hộ	1	20/04/1948	
	Vương Thị Hoà Phượng	Vợ	2	10/08/1946	
VI	Thôn Ba Bình (số hộ 02, số khẩu 04)				
1	Dương Liễu	Chủ hộ	1	19/03/1935	
	Dương Văn Minh	Cháu	2	20/11/1999	
2	Nguyễn Mậu Hội	Chủ hộ	1	03/10/1939	
	Nguyễn Thị Sáu	Vợ	2	10/10/1945	
VII	Thôn Xuân Đình (số hộ 04, số khẩu 08)				
1	Cao Ám	Chủ hộ	1	10/02/1937	
	Cao Thị Bé Nhị	Con	2	10/02/1971	
	Huỳnh Cao Nhơn	Cháu	1	10/10/2000	
	Cao Văn Nghĩa	Cháu	1	25/08/2012	
2	Trương Thị Khôa	Chủ hộ	2	12/06/1943	
3	Trương Mẫn	Chủ hộ	1	20/10/1941	Chết
	Võ Thị Thịnh	Vợ	2	27/3/1940	
4	Huỳnh Đê	Chủ hộ	1	09/2/1942	
VIII	Thôn Thuận Hoà (số hộ 03, số khẩu 07)				
1	Nguyễn Năm	Chủ hộ	1	28/02/1946	
	Trịnh Thị Mà	Vợ	2	20/06/1946	
2	Hoàng Thị Dung	Chủ hộ	2	28/02/1982	
	Nguyễn Hoàng Anh	Con	1	14/08/2009	
	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Con	2	15/12/2013	
3	Nguyễn Thị Kim Tuyết	Chủ hộ	2	12/04/1982	
	Nguyễn Thành Lộc	Con	1	15/09/2016	
IX	Thôn An Chỉ Tây (số hộ 17, số khẩu 67)				
1	Phạm Thị Hương	Chủ hộ	2	02/3/1961	
	Phan Sờ	Chồng	1	10/6/1960	
	Phan Thị Ánh Thuận	Con	2	18/01/1991	
	Phan Thanh Thúy	Con	2	03/3/1996	
	Đỗ Hoàng Nhã Uyên	Cháu	2	21/8/2016	
	Đỗ Hoàng Như Ý	Cháu	2	10/02/2021	

2	Cao Thị Lòng	Chủ hộ	2	01/02/1956	
	Nguyễn Văn Thọ	Con	1	28/4/1980	
	Nguyễn Đức Trí	Cháu	1	03/8/2013	
	Nguyễn Thảo Vy	Cháu	2	05/5/2016	
3	Trương Thị Tuyên	Chủ hộ	2	06/01/1956	
	Dương Thị Diễm	Con	2	10/01/1975	
	Nguyễn Thanh Tâm	Cháu	1	10/10/2003	
	Nguyễn Thị Thùy Linh	Cháu	2	26/9/2006	
4	Phan Toàn	Chủ hộ	1	09/12/1945	
	Nguyễn Thị Đạo	Vợ	2	20/4/1953	
5	Phan Cẩm	Chủ hộ	1	01/01/1945	
	Nguyễn Thị Xuân Ba	Vợ	2	01/01/1949	
	Phan Thị My Sa	Con	2	02/9/1994	
	Phan Ngọc Bảo An	Cháu	1	21/7/2014	
6	Huỳnh Tào	Chủ hộ	1	07/02/1953	
	Trịnh Thị Quang	Vợ	2	30/11/1952	
	Đoàn Huỳnh Tuyết Anh	Cháu	2	30/4/2001	
	Đoàn Hoàng Anh	Cháu	1	22/9/2018	
7	Cao Ưu	Chủ hộ	1	01/01/1953	
	Nguyễn Thị Lý	Vợ	2	01/01/1953	
	Cao Rừng	Con	1	01/01/1981	
8	Lưu Thị Thu Hà	Chủ hộ	2	15/3/1969	
	Lưu Tuyết Hạ	Con	2	29/5/2008	
9	Trần Đức Thông	Chủ hộ	1	12/02/1982	
	Lê Thị Thanh Trà	Vợ	2	11/3/1985	
	Trần Thị Minh Nguyệt	Con	2	06/9/2007	
	Trần Đức Nguyên	Con	1	21/10/2011	
	Trần Thị Nguyệt Nga	Con	2	21/5/2017	
10	Võ Chí Linh	Chủ hộ	1	10/4/1978	
	Phan Thị Ngọc Thuý	Vợ	2	30/11/1981	
	Võ Ngọc Thảo Ly	Con	2	30/9/2008	
	Võ Ngọc Tường Vy	Con	2	09/10/2013	
11	Vi Thanh Hùng	Chủ hộ	1	19/5/1970	
	Lê Thị Trâm	Vợ	2	20/4/1972	
	Vi Thị Thanh Trang	Con	2	20/02/1992	
	Vi Thanh Hoàng	Con	1	27/02/1996	
	Vi Thanh Hào	Con	1	17/11/2005	
12	Cao Văn Diệp	Chủ hộ	1	17/5/1991	
	Cao Thị Mỹ Trâm	Con	2	23/8/2014	
	Cao Bá Nhật Anh	Con	1	30/8/2017	
13	Phan Thị Hạnh Phúc	Chủ hộ	2	27/02/1981	
	Nguyễn Vạn Nghĩa	Con	1	09/11/2005	
	Nguyễn Quỳnh Hoa	Con	2	06/01/2012	
	Nguyễn Ngọc Thịnh	Con	1	16/12/2016	
14	Nguyễn Văn Năm	Chủ hộ	1	03/4/1971	
	Trần Thị Sương	Vợ	2	08/9/1971	
	Nguyễn Thị Kiều Hoanh	Con	2	20/02/1994	
	Nguyễn Tấn Huynh	Con	1	16/10/1998	

	Nguyễn Thị Lệ Huyền	Con	2	01/01/2008	
15	Lê Kịch	Chủ hộ	1	19/02/1963	
	Nguyễn Thị Liên	Vợ	2	04/3/1965	
	Lê Văn Vương	Con	1	17/7/1987	
16	Cao Minh Thành	Chủ hộ	1	22/10/1988	
	Nguyễn Thị Mỹ Nhiên	Vợ	2	12/8/1991	
	Cao Võ Minh Châu	Con	2	13/01/2019	
	Cao Võ Minh Anh	Con	2	27/7/2020	
17	Đoàn Muộn	Chủ hộ	1	20/02/1948	
	Nguyễn Thị Cẩm Giang	Vợ	2	02/3/1950	
	Đoàn Duy Hoàng	Con	1	25/8/1978	
	Đoàn Thị Tường Vy	Cháu	2	01/9/2005	
	Đoàn Duy Huy	Cháu	1	10/4/2007	
X	Thôn An Chỉ Đông (số hộ 15, số khẩu 44)				
1	Lê Thị Kim Thúy	Chủ hộ	2	02/10/1972	
	Lê Văn Hạnh	Cháu	1	18/9/2002	
2	Cao Vận	Chủ hộ	1	20/12/1941	
	Lê Thị Hường	Vợ	2	06/6/1944	
3	Lê Chín	Chủ hộ	1	20/6/1943	
	Cao Thị Diệu	Vợ	2	03/3/1944	
4	Cao Văn Lai	Chủ hộ	1	20/12/1971	
	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Vợ	2	01/01/1977	
	Cao Bá Nhân	Con	1	04/9/2008	
	Cao Bá Nha	Con	1	21/11/2011	
5	Trần Văn Tuấn	Chủ hộ	1	08/3/1958	
	Trần Thị May	Vợ	2	02/12/1966	
	Trần Minh Tài	Con	1	10/9/1995	
	Trần Minh Tú	Con	1	22/4/1990	
	Trần Lê Minh Thư	Cháu	2	17/10/2016	
6	Nguyễn Thị Liên	Chủ hộ	2	23/02/1964	
	Trần Thị Cảnh	Chủ hộ	2	01/02/1934	
	Phan Thị Xuân	Con	2	10/8/1971	
	Nguyễn Hữu Đại	Cháu	1	19/8/2002	
	Nguyễn Nhật Trâm	Cháu	2	05/01/2008	
7	Đặng Thị Yến	Chủ hộ	2	15/3/1941	
	Nguyễn Thành Quy	Con	1	01/01/1974	
	Võ Thị Tuyết	Con	2	24/6/1972	
	Nguyễn Thanh Pho	Cháu	1	09/02/1998	
8	Nguyễn Nhân	Chủ hộ	1	02/01/1963	
	Trần Thị Lan	Vợ	2	01/01/1964	
9	Lê Tấn Tân	Chủ hộ	1	03/8/1990	
	Vy Thị Thanh Dung	Vợ	2	21/4/1993	
	Lê Thiên Phúc	Con	1	24/10/2015	
	Lê Thiên Phú	Con	1	03/01/2019	
10	Hồ Thanh Tạo	Chủ hộ	1	30/4/1967	
	Phạm Thị Nga	Vợ	2	19/5/1974	
	Hồ Phạm Yến Nhi	Con	2	20/10/2009	

	Hồ Phạm Yến Nhiên	Con	2	16/5/2013	
11	Cao Thị Hồng	Chủ hộ	2	09/12/1966	
12	Lê Hồng Đức	Chủ hộ	1	04/4/1954	
	Nguyễn Thị Chóng	Vợ	2	20/7/1956	
	Lê Văn Danh	Con	1	17/9/1990	
13	Nguyễn Toa	Chủ hộ	1	16/11/1930	
	Nguyễn Thị Liên	Vợ	2	01/01/1948	
	Nguyễn Văn Thận	Con	1	13/10/1980	
14	Đoàn Thị Xuy	Chủ hộ	2	10/5/1943	
15	Nguyễn Thị Lâu	Chủ hộ	2	16/02/1950	
XI	Thôn Đề An (số hộ 20, số khẩu 51)				
1	Bùi Thị Xuân	Chủ hộ	2	02/02/1968	
	Nguyễn Thịnh	Con	1	26/8/1999	
	Nguyễn Thành Thiện	Cháu	1	06/6/2006	
2	Nguyễn Đăng Thông	Chủ hộ	1	24/4/1945	
3	Đào Thị Ría	Chủ hộ	2	20/4/1949	
	Lê Văn Lợi	Chủ hộ	1	20/10/1975	
	Ngô Thị Thúy	Con	2	10/01/1979	
	Lê Văn Chí	Con	1	23/8/2009	
	Lê Văn Thiện	Cháu	1	30/8/2011	
4	Phan Thị Bạch Tuyết	Chủ hộ	2	15/9/1946	
5	Nguyễn Hiếu	Chủ hộ	1	05/5/1966	
	Phạm Thị Thảo	Vợ	2	15/4/1968	
	Nguyễn Hoàng Hùng	Con	1	03/8/1994	
	Nguyễn Hoàng Hải	Con	1	02/8/1991	
	Nguyễn Hoàng Trung Hậu	Con	1	14/11/2013	
6	Lê Thị Đức	Chủ hộ	2	10/01/1952	
	Nguyễn Thương	Vợ	1	12/12/1950	
	Nguyễn Phạm Khánh Linh	Cháu	2	16/12/2016	
7	Võ Thị Hay	Chủ hộ	2	02/10/1950	
	Lê Minh Trí	Con	1	10/3/1969	
8	Nguyễn Đăng Hữu	Chủ hộ	1	20/3/1945	
	Kiều Thị Thu	Vợ	2	01/02/1949	
9	Phan Thị Hương	Chủ hộ	2	24/4/1948	
10	Võ Thuộc	Chủ hộ	1	15/3/1950	
	Trần Thị Nga	Vợ	2	06/5/1954	
	Võ Đan Nguyễn	Cháu	1	23/01/2015	
11	Phan Quang Công	Chủ hộ	1	10/01/1947	
	Nguyễn Thị Ba	Vợ	2	20/3/1950	
12	Nguyễn Duy Đức	Chủ hộ	1	27/5/1954	
	Lưu Thị Xuyên	Vợ	2	07/01/1956	
	Nguyễn Thị Kim Loan	Con	2	02/8/1987	
	Nguyễn Quốc Tuấn	Con	1	25/02/1991	
	Nguyễn Văn Du	Con	1	02/8/2008	
	Nguyễn Văn Dương	Con	1	24/8/2019	
13	Phan Thị Cúc	Chủ hộ	2	10/6/1949	
14	Nguyễn Thị Có	Chủ hộ	2	10/9/1945	

15	Phan Quang Tý	Chủ hộ	1	08/4/1974	
	Cao Thị Dung	Vợ	2	10/7/1974	
	Phan Quang Hải	Con	1	30/8/1997	
	Phan Quang Nguyên	Con	1	29/01/2008	
16	Phạm Trung	Chủ hộ	1	05/01/1962	
	Nguyễn Thị Tui	Vợ	2	01/5/1956	
17	Lê Văn Viễn	Chủ hộ	1	13/6/1972	
	Nguyễn Thị Tiên	Vợ	2	20/9/1970	
	Lê Thị Tường Vy	Con	2	20/4/1999	
	Lê Thị Bảo Ngọc	Con	2	21/9/2003	
	Lê Thị Thuý Nga	Con	2	25/11/2006	
	Lê Thị Thanh Thảo	Con	2	16/9/2009	
18	Cao Thị Biên	Chủ hộ	2	10/01/1955	
19	Lưu Thị Tấn	Chủ hộ	2	20/01/1919	
20	Trịnh Thị Anh	Chủ hộ	2	10/6/1940	
XII	Thôn Hòa Mỹ (số hộ 17, số khẩu 47)				
1	Văn Thị Lan	Chủ hộ	2	12/10/1962	
2	Trần Thị Xuân Yển	Chủ hộ	2	12/8/1951	
	Trần Luân	Chồng	1	23/12/1948	
3	Trần Thị Hoàng	Chủ hộ	2	20/10/1975	
	Trần Gia Huy	Cháu	1	02/5/2015	
4	Đàm Thị Chiến	Chủ hộ	2	27/7/1964	
	Đàm Phúc Thịnh	Con	1	26/4/2007	
5	Trần Việt Hùng	Chủ hộ	1	07/7/1967	
	Đặng Thị Hồng Vân	Vợ	2	07/5/1970	
	Trần Đặng Tường Vy	Con	2	27/5/1999	
	Trần Đặng Thảo Vy	Con	2	08/8/2001	
	Trần Đặng Triệu Vy	Con	2	19/12/2007	
	Trần Đặng Gia Huy	Con	1	25/3/2011	
6	Đàm Âu	Chủ hộ	1	02/02/1950	
	Nguyễn Thị Huân	Vợ	2	12/02/1952	
7	Nguyễn Phi Hùng	Chủ hộ	1	11/6/1972	
	Lê Thị Hạnh	Chồng	2	03/3/1974	
8	Trần Văn Vi	Chủ hộ	1	14/3/1963	
	Võ Thị Cúc	Vợ	2	01/9/1964	
	Trần Thanh Thư	Cháu	2	19/5/2013	
	Trần Thanh Tuyển	Cháu	1	28/3/2015	
9	Huỳnh Thị Bích Hòa	Chủ hộ	2	04/4/1968	
	Huỳnh Nhật Lệ	Con	2	03/9/2001	
10	Phạm Xuân Thái	Chủ hộ	1	18/4/1968	
	Trần Thị Tuyết	Vợ	2	08/9/1969	
	Phạm Xuân Thọ	Con	1	06/8/1995	
	Nguyễn Thị Hương	Con	2	24/10/1992	
11	Phạm Anh Lực	Chủ hộ	1	01/01/1982	
	Trần Thị Ánh	Vợ	2	05/8/1986	
	Phạm Quốc Đạt	Con	1	30/10/2011	
	Phạm Quốc Nhân	Con	1	13/10/2014	

12	Trần Thị Hạnh	Chủ hộ	2	01/02/1965	
	Nguyễn Hậu Tuấn	Con	1	07/4/1991	
	Phạm Thị Bích Tuyền	Con	2	22/5/1991	
	Nguyễn Khánh Linh	Cháu	1	23/10/2017	
13	Nguyễn Huỳnh	Chủ hộ	1	20/02/1941	
	Nguyễn Duy Hưng	1	1	06/8/1985	
	Nguyễn Anh Khoa	1	1	12/12/2017	
14	Đàm Văn Cường	Chủ hộ	1	10/4/1986	
15	Nguyễn Thái Minh	Chủ hộ	1	12/7/1981	
	Nguyễn Thị Bích Thu	2	2	29/4/1981	
	Nguyễn Quốc Bảo	1	1	10/6/2011	
	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	2	2	05/8/2013	
	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	2	2	05/8/2013	
16	Huỳnh Thị Tấn	Chủ hộ	2	06/3/1963	
17	Trần Thị Kim Diệp	Chủ hộ	2	22/12/1980	
	Nguyễn Thị Kim Thơ	2	2	19/3/2008	
XIII	Thôn Hòa Quý (số hộ 17, số khẩu 50)				
1	Đoàn Ngọc Sang	CH	1	15/10/1983	
	Tạ Thị Kim Uyên	Vợ	2	26/3/1981	
	Đoàn Văn Trọng	Con	1	22/12/2007	
	Đoàn Thị Thúy Hiền	Con	2	25/8/2010	
	Đoàn Ngọc Bảo Thy	Con	2	03/10/2018	
2	Võ Thị Nhị	CH	2	19/9/1969	
	Võ Văn Thiên	Con	1	18/01/2005	
3	Đỗ Ngọc Anh	CH	1	04/4/1964	
	Nguyễn Thị Thanh Nga	Vợ	2	01/02/1962	
4	Phạm Minh Hồng	CH	1	01/3/1965	
	Phạm Thị Chính	Vợ	2	20/11/1968	
	Phạm Minh Thanh	Con	1	20/3/1991	
	Phạm Thanh Bình	Con	1	20/3/1998	
5	Đỗ Văn Dân	CH	1	12/02/1953	
	Nguyễn Thị Nam	Vợ	2	10/10/1954	
6	Trần Quang Định	CH	1	25/10/1979	
	Hồ Thị Ty Vi	Vợ	2	05/7/1988	
	Trần Ngọc Thanh Tuyền	Con	2	10/5/2011	
	Trần Quốc Tiến	Con	1	28/02/2013	
7	Lê Thị Thu Huệ	CH	2	22/10/1982	
	Lê Trần Hoài Thương	Con	1	23/3/2007	
	Lê Cao Thảo Nguyên	Con	2	04/01/2014	
8	Nguyễn May	CH	1	06/5/1934	
	Nguyễn Văn Hòe	Con	1	21/02/1969	
	Nguyễn Thị Anh	Dâu	2	05/6/1978	
	Nguyễn Nhật Linh	Cháu	2	03/12/2008	
9	Nguyễn Thủy	CH	1	20/4/1953	
10	Đỗ Thị Xuân Hoa	CH	2	25/12/1983	
	Nguyễn Đỗ Minh Quân	Cháu	1	02/9/2012	
	Nguyễn Đỗ Minh Quyền	Cháu	1	17/7/2014	

11	Nguyễn Hoài Nam	CH	1	02/9/1980	
	Nguyễn Hoài Minh Thuyết	Con	1	19/5/2011	
12	Trần Ngọc Việt	CH	1	20/10/1976	
	Trần Nguyễn Diễm Quỳnh	Con	2	16/4/2011	
13	Phan Thị Chạy	CH	2	02/02/1950	
	Võ Văn Phúc	Con	1	10/4/1985	
	Bùi Thị Bé Thơm	Dâu	2	08/4/1984	
	Võ Bùi Hữu Phước	Cháu	1	29/8/2007	
	Võ Bùi Ngọc Hạnh	Cháu	2	17/11/2009	
14	Trần Ngọc Lý	CH	1	25/12/1967	
	Trần Nguyễn Mỹ Duyên	Con	2	24/7/1997	
	Trần Nguyễn Kim Khánh	Con	2	12/7/2000	
15	Lê Thị Toàn	CH	2	22/9/1927	
	Trần Thị Bích Liên	Con	2	24/12/1963	
	Nguyễn Ngọc Thịnh	Cháu	1	14/01/1991	
	Nguyễn Ngọc Nhất Thiên	Cháu	1	14/01/2006	
	Nguyễn Đăng Gia Hưng	Cháu	1	03/01/2012	
16	Trương Thị Kim Nhung	CH	2	01/01/1970	
	Trương Thị Mỹ Nhân	Con	2	02/10/2004	
17	Cao Thị Lòi	CH	2	12/4/1944	
XIV	Thôn Hòa Sơn (số hộ 06, số khẩu 23)				
1	Nguyễn Đình Duân	CH	1	04/5/1978	
	Cao Thị Thúy Kiều	Vợ	2	18/6/1984	
	Nguyễn Minh Chiến	Con	1	26/10/2005	
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Cháu	2	26/01/2010	
2	Phạm Công Cung	CH	1	02/01/1989	
	Lương Thị Hàng	Vợ	2	30/3/1990	
	Phạm Công Phát	Con	1	05/10/2007	
	Phạm Công Việt	Con	1	28/5/2015	
3	Nguyễn Văn Luyện	CH	1	17/7/1989	
	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	Con	2	03/7/2007	
	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	Con	1	09/02/2012	
4	Trương Văn Dựng	CH	1	21/02/1980	
	Đàm Thị Minh Thanh	Vợ	2	20/4/1984	
	Trương Văn Bút	Con	1	16/01/2009	
	Trương Văn Bằng	Con	1	28/5/2015	
5	Trương Văn Thái	CH	1	10/6/1976	
	Trương Thị Thu	Con	2	08/5/2005	
	Trương Văn Đông	Con	1	07/6/2011	
	Trương Đức An	Con	1	14/6/2020	
6	Đàm Minh Vũ	CH	1	03/6/1980	
	Nguyễn Thị Diệp	Vợ	2	26/3/1980	
	Đàm Minh Vương	Con	1	20/7/2007	
	Đàm Thị Lệ Lên	Con	2	02/12/2008	
XV	Thôn Hòa Vinh (số hộ 17, số khẩu 24)				
1	Nguyễn Trê	CH	1	02/01/1940	

	Huỳnh Thị Hạt	Vợ	2	05/3/1946	
2	Huỳnh Thị Hoa	CH	2	12/02/1942	
3	Nguyễn Thị Lệ Nhu	CH	2	02/8/1948	
4	Hồ Thị Tuyết	CH	2	10/02/1949	
5	Trần Vinh	CH	1	10/02/1944	
	Trang Thị Hoa	Vợ	2	02/5/1946	
6	Trần Thị Sốt	CH	2	16/6/1941	
7	Đặng Thơ	CH	1	02/01/1929	
	Đặng Thị Thúy	Con	2	02/02/1977	
8	Lê Thị Sáu	CH	2	11/11/1945	
9	Nguyễn Thị Xuân	CH	2	12/9/1949	
10	Bùi Bơi	CH	1	02/6/1938	
11	Trần Đồng	CH	1	16/10/1926	
	Nguyễn Thị Liên	Vợ	2	18/12/1928	
12	Nguyễn Thị Nên	CH	2	24/6/1938	
	Lê Thị Trinh	Con	2	06/12/1974	
13	Nguyễn Thị Nga	CH	2	05/01/1955	
14	Ngô Thị Lựu	CH	2	14/9/1936	
15	Nguyễn Thị Vãn	CH	2	10/6/1945	
16	Nguyễn Thị Vân	CH	2	03/02/1965	
	Trần Thị Hương	Mẹ	2	01/01/1940	
17	Lê Văn Duy	CH	1	10/10/1937	
	Nguyễn Thị Hồng Cúc	Con	2	10/3/1952	
XVI	Thôn Hòa Thọ (số hộ 28, số khẩu 73)				
1	Võ Thị Sự	CH	2	05/4/1946	
2	Phạm Thị Tình	CH	2	10/10/1955	
	Võ Tấn Lực	Con	1	04/4/1980	
3	Phạm Thị Sửu	CH	2	01/01/1951	
4	Trần Thế Lạc	CH	1	05/10/1956	
	Trần Thị Kim Hòa	Vợ	2	08/4/1952	
5	Nguyễn Thị Hoa	CH	2	14/4/1953	
6	Phạm Ngọc Kính	CH	1	27/8/1964	
	Phan Thị Cường	Vợ	2	03/7/1966	
	Phạm Thuý Quỳnh	Con	2	15/5/2001	
	Phạm Gia Quyết	Con	1	01/01/2004	
7	Lê Hồng Long	CH	1	10/3/1935	
	Lê Thị Hồng Sinh	Con	2	20/10/1965	
	Lê Thị Mỹ Linh	Con	2	25/02/2005	
8	Phạm Hồng Hiệp	CH	1	01/01/1951	
	Nguyễn Thị Hỷ	Vợ	2	10/3/1953	
9	Lê Hồng Ngọc	CH	1	10/8/1946	
	Lục Thị Thanh Hoa	Vợ	2	10/8/1950	
10	Nguyễn Văn Hồng	CH	1	12/5/1962	
	Huỳnh Thị Lai	Vợ	2	01/01/1959	
11	Cao Văn Chánh	CH	1	20/02/1960	
	Lê Thị Loan	Vợ	2	06/4/1960	
12	Nguyễn Văn Lợi	CH	1	12/6/1967	

	Nguyễn Thị Phước	Vợ	2	02/02/1967	
	Nguyễn Văn Thuận	Con	1	20/3/2008	
13	Nguyễn Đình Quang	CH	1	10/7/1944	
	Phạm Thị Đào	Vợ	2	10/7/1946	
14	Phạm Ngọc Vũ	CH	1	01/8/1965	
15	Nguyễn Mông	CH	1	09/10/1949	
	Đỗ Thị Đoàn	Vợ	2	10/10/1950	
	Nguyễn Bảo Ngọc	Cháu	2	21/12/2017	
16	Trương Thị Chín	CH	2	20/02/1952	
17	Nguyễn Đặng	CH	1	01/01/1958	
	Trần Thị Diệu	Vợ	2	01/01/1958	
18	Lê Thị Ba	CH	2	05/5/1934	
	Phạm Minh Quang	Con	1	19/4/1965	
	Phạm Thị Mỹ Hồng	Cháu	2	16/10/2000	
	Phạm Minh Thọ	Cháu	1	27/10/1997	
	Phạm Minh Vịnh	Cháu	1	15/7/1991	
19	Lê Thâm	CH	1	02/02/1951	
	Võ Thị Chuân	Vợ	2	15/5/1953	
	Lê Hồng Ngọc Diễm	Con	2	30/5/2009	
20	Bùi Đình Hoán	CH	1	01/01/1940	
	Nguyễn Thị Thu Đông	Vợ	2	01/01/1948	
21	Nguyễn Thị Tuyết	CH	2	12/02/1958	
22	Võ Thị Hương	CH	2	10/11/1949	
	Võ Thị Bích Thủy	Con	2	05/02/1992	
23	Điệp Tấn Lâm	CH	1	17/10/1972	
	Điệp Minh Tuấn	Con	1	27/4/1993	
	Điệp Minh An	Con	1	02/12/1995	
	Đặng Thị Thảo	Con	2	10/5/1998	
	Lê Thị Thanh Dung	Con	2	02/01/1974	
24	Nguyễn Phi Chung	CH	1	04/02/1985	
	Nguyễn Thị Huyền Thảo	Con	2	30/4/2009	
	Nguyễn Đức Nguyên	Cháu	1	30/11/2012	
	Nguyễn Đức Huy	Cháu	1	09/01/2015	
25	Bùi Tín	CH	1	10/9/1985	
	Nguyễn Thị Lập	Vợ	2	26/10/1984	
	Bùi Nguyễn Phương Huyền	Con	2	10/02/2007	
	Bùi Nguyễn Phương Huệ	Con	2	08/02/2009	
	Bùi Nguyễn Phương Uyên	Con	2	10/4/2022	
26	Ngô Thị Đi	CH	2	04/4/1960	
	Dương Tuấn	Con	1	03/01/1991	
	Dương Tấn Thành	Cháu	1	14/12/2018	
27	Lê Văn Hải	CH	1	20/10/1941	
	Lê Thị Luật	Vợ	2	10/02/1945	
	Lê Thị Hòa	Con	2	26/8/1975	
	Lê Thị Hương	Cháu	2	06/7/2003	
28	Nguyễn Hải	CH	1	02/11/1960	
	Huỳnh Thị Mãi	Vợ	2	11/3/1963	
	Nguyễn Công Tản	Con	1	02/01/1995	

	Nguyễn Thanh Tùng	Con	1	06/10/1999	
	Nguyễn Thị Thúy Hậu	Con	2	02/7/2002	
XVII	Thôn Kỳ Thọ Nam 1 (số hộ 30, số khẩu 116)				
1	Hồ Cảnh	CH	1	21/11/1977	
	Hồ Quang Toàn	Con	1	14/06/2008	
2	Trần Văn Hòa	CH	1	12/12/1945	
	Nguyễn Thị Tuyên	Vợ	2	13/03/1952	
3	Trương Thị Lư	CH	2	10/02/1947	
	Trương Thị Phương Thảo	Con	2	10/02/2002	
4	Huỳnh Thị Lự	CH	2	10/08/1959	
	Phạm Thị Diệu Hòa	Con	2	14/04/1993	
	Lê Phạm Trâm Anh	Cháu	2	08/10/2016	
	Hồ Quang Nhật	Cháu	1	14/03/2024	
5	Lê Thị Mai	CH	2	05/06/1936	
	Trần Văn Mừng	Con	2	03/11/1980	
	Trần Thị Thu Vân	Con	2	14/09/1989	
	Trần Thị Thúy Viên	Cháu	2	03/10/2008	
	Trần Ngọc Duy Thành	Cháu	1	24/05/2015	
6	Phạm Nữ	CH	1	20/03/1948	
	Nguyễn Thị Sáu	Vợ	2	20/04/1949	
	Phạm Văn Hoàn	Con	1	10/06/1992	
	Phạm Hoàng Tuyết Nhi	Cháu	2	21/12/2011	
7	Võ Văn Thương	CH	1	30/12/1967	
	Nguyễn Thị Chín	Vợ	2	02/12/1950	
	Võ Tấn Tường	Con	1	20/05/1992	
	Võ Tấn Kha	Con	1	18/07/1993	
	Võ Thị Kim Ngân	Cháu	2	15/02/2016	
	Võ Tấn Khang	Cháu	1	12/02/2018	
8	Phạm Văn Đông	CH	1	04/04/1976	
	Trần Thị Mai	Mẹ	2	01/06/1944	
	Phạm Hoàng Nam	Con	1	23/11/2019	
	Phạm Hoàng Hiệp	Con	1	04/09/2022	
	Nguyễn Thị Lập	Con	2	20/10/1978	
9	Nguyễn Văn Vi	CH	1	20/10/1974	
	Nguyễn Thị Lan	Vợ	2	20/10/1973	
	Nguyễn Văn Thanh	Con	1	27/07/2001	
	Nguyễn Văn Sang	Con	1	04/04/2004	
10	Nguyễn Chính	CH	1	20/04/1956	
	Nguyễn Khải Hoàng	Cháu	1	14/10/2010	
	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Cháu	2	11/11/2013	
	Nguyễn Thành Được	Cháu	1	24/02/2019	
11	Võ Ngọc	CH	1	30/03/1946	
	Trần Thị Cúc	Vợ	2	26/11/1948	
	Võ Tấn Tạo	Cháu	1	13/05/2011	
12	Võ Đình Tổng	CH	1	02/08/1982	
	Hồ Thị Y Lốc	Vợ	2	10/11/1987	
	Võ Thị Ánh Tuyết	Con	2	07/02/2008	

	Võ Thị Tuyết Mai	Con	2	12/06/2012	
	Võ Thị Như Quỳnh	Con	2	21/01/2017	
13	Trương Hồng Dư	CH	1	08/05/1970	
	Kiều Thị Bàng	Vợ	2	01/01/1972	
	Trương Cẩm Trà Giang	Con	2	10/11/2005	
	Trương Như Duyên	Con	2	03/06/2008	
14	Huỳnh Đức	CH	1	12/09/1969	
	Nguyễn Thị Niên	Vợ	2	01/01/1970	
	Huỳnh Thị Ngọc Yến	Con	2	01/02/2008	
	Huỳnh Ngọc Tiến	Con	1	19/04/2009	
	Huỳnh Ngọc Tuyên	Con	1	01/09/2011	
15	Huỳnh Thị Hôi	CH	2	10/08/1962	
	Trần Thị Chí Thanh	Con	2	09/09/1993	
	Nguyễn Văn Điệp	Con	1	14/04/1992	
	Nguyễn Trần Gia Hưng	Cháu	1	13/01/2020	
	Nguyễn Trần Gia Thịnh	Cháu	1	15/02/2023	
16	Nguyễn Thị Loan	CH	2	10/10/1932	
	Phạm Tấn Mực	Con	1	05/06/1975	
	Võ Thị Dung	Dâu	2	15/08/1965	
	Phạm Quốc Cường	Cháu	1	08/04/2001	
	Phạm Thị Kim Sang	Cháu	2	17/06/2004	
	Phạm Thị Diên	Cháu	2	05/70/2000	
17	Lê Văn Thỏ	CH	1	01/01/1971	
	Phạm Thị Thu Ba	Vợ	2	07/10/1974	
	Lê Văn Trung	Con	1	27/06/1997	
	Lê Thị Thu Tình	Con	2	20/09/2003	
	Lê Thị Thương Thương	Con	2	09/04/2001	
18	Nguyễn Huân	CH	1	12/07/1957	
	Ngô Thị Hồng	Vợ	2	08/09/1956	
	Nguyễn Hữu Thành	Cháu	1	10/07/2011	
	Nguyễn Thị Thu Lan	Con	2	13/06/1984	
19	Nguyễn Hồng Thái	CH	1	10/05/1977	
	Trần Thị Ánh Tuyền	Vợ	2	30/04/1980	
	Nguyễn Trần Hạ Quyên	Con	2	12/07/2005	
	Nguyễn Trần Thanh Huyền	Con	2	28/11/2011	
	Nguyễn Hồng Phúc	Con	1	15/09/2008	
20	Lê Việt Thư	CH	1	20/12/1976	
	Lưu Thị Kim Tuyền	Vợ	2	20/12/1983	
	Lê Thị Khánh Ly	Con	2	16/10/2006	
	Lê Thị Đan Trang	Con	2	12/11/2003	
	Lê Khánh Ngân	Con	2	24/05/2017	
	Lê Trúc Quỳnh	Con	1	23/01/2021	
21	Nguyễn Nở	CH	1	13/07/1964	
	Trương Thị Hồng	Vợ	2	08/11/1970	
	Nguyễn Thị Thúy Bình	Con	2	16/05/2002	
	Nguyễn Thanh Tiền	Con	2	28/10/2005	
22	Bùi Cân	CH	1	01/01/1971	
	Lương Thị Khương	Vợ	2	20/02/1975	

	Bùi Văn Liệu	Con	1	01/12/1999	
	Bùi Thị Cẩm Ly	Con	2	13/09/2005	
	Bùi Thị Cẩm Lài	Con	2	29/01/2009	
23	Nguyễn Thanh Hóa	CH	1	10/05/1948	
	Võ Thị Tự	Vợ	2	12/04/1953	
24	Lê Trinh	CH	1	23/03/1942	
	Võ Thị Nhuận	Vợ	2	08/10/1947	
25	Nguyễn Thị Vàng	CH	2	12/03/1945	
26	Trần Thị Ngọc Thanh	CH	2	12/08/1953	
27	Trần Thị Nền	CH	2	10/09/1984	
	Nguyễn Trần Lệ Mến	Con	2	07/02/2011	
28	Trần Kim Nhật	CH	1	10/10/1989	
	Lê Thị Lai	Vợ	2	01/10/1991	
	Trần Lê Kim Bảo	Con	1	19/06/2011	
	Trần Lê Kim Nguyệt	Con	2	20/12/2013	
	Trần Lê Nhật Nam	Con	1	15/05/2024	
29	Nguyễn Văn Chuẩn	CH	1	15/05/1972	
	Nguyễn Thị Công	Vợ	2	04/09/1974	
	Nguyễn Văn Thuận	Con	1	24/05/2001	
	Nguyễn Văn Nhất	Con	1	21/11/2003	
30	Trịnh Hoài Ngân	Chủ hộ	1	19/03/1979	
	Lê Thị Kim Sen	Vợ	2	06/01/1987	
	Trịnh Hoài Anh Nhật	Con	1	20/01/2007	
	Trịnh Thị Kim Vy	Con	2	07/08/2011	
XVIII	Thôn Kỳ Thọ Nam 2 (số hộ 31, số khẩu 83)				
1	Nguyễn Thị Nông	Chủ hộ	2	06/02/1940	
	Phạm Văn Thương	Cháu	1	26/03/2001	
2	Nguyễn Thị Chiến	Chủ hộ	2	12/12/1954	
	Nguyễn Văn Sỹ	Con	1	30/10/1997	
3	Nguyễn Văn Thành	Chủ hộ	1	10/10/1938	
	Nguyễn Thị Hoa	Vợ	2	10/12/1949	
	Nguyễn Văn Tiến	Con	1	16/09/1984	
4	Nguyễn Thị Nhớ	Chủ hộ	2	06/05/1951	
	Nguyễn Thị Duyên	Con	2	20/05/1995	
	Nguyễn Tấn Phúc	Cháu	1	07/09/2017	
	Nguyễn Thị Diễm My	Cháu	2	15/07/2021	
5	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Chủ hộ	2	02/02/1966	
	Nguyễn Văn Nguyên	Chồng	1	08/04/1970	
	Nguyễn Anh Vũ	Con	1	08/08/1999	
	Nguyễn Quang Vũ	Con	1	08/08/1999	
	Nguyễn Thị Kim Hà	Cháu	2	31/12/2015	
6	Đàm Phú	Chủ hộ	1	24/08/1943	
	Lê Thị Một	Vợ	2	01/01/1949	
	Đàm Phương Uyên	Cháu	1	11/02/2009	
7	Võ Hồng	Chủ hộ	1	20/03/1952	
	Nguyễn Thị Ruộng	Vợ	2	16/10/1951	
	Võ Thị Lệ	Con	2	05/10/1986	
	Võ Thị Chi	Cháu	2	15/05/1992	
	Võ Tiến Cần	Con	1	22/10/2010	
	Võ Duy Thanh	Cháu	1	19/11/2012	

8	Nguyễn Thị Nguyên	Chủ hộ	2	12/02/1946	
9	Nguyễn Thị Hiền	Chủ hộ	2	12/12/1956	
	Nguyễn Tấn Đại	Con	1	04/12/1987	
	Võ Thị Thoang	Cháu	2	12/12/1992	
	Nguyễn Võ An Nhiên	Cháu	2	22/12/2020	
	Nguyễn Võ Tâm Nhiên	Cháu	2	25/04/2022	
10	Phạm Ngọc Toàn	Chủ hộ	1	15/08/1977	
	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Vợ	2	24/01/1980	
	Phạm Quang Tính	Con	1	12/08/2004	
11	Nguyễn Thị Cúc	Chủ hộ	2	17/09/1946	
12	Huỳnh Phú	Chủ hộ	1	10/04/1967	
	Huỳnh Thị Mai	Vợ	2	20/04/1970	
13	Trần Văn Nho	Chủ hộ	1	20/12/1940	
	Nguyễn Thị Mai	Vợ	2	10/01/1943	
14	Nguyễn Chính	Chủ hộ	1	10/12/1938	
	Huỳnh Thị Nhượng	Vợ	2	13/10/1940	
	Nguyễn Văn Bé	Con	2	22/10/1977	
	Nguyễn Mai Hương Giang	Cháu	2	04/05/2006	
	Nguyễn Mai Gia Bảo	Cháu	1	15/08/2011	
15	Phạm Thị Mai	Chủ hộ	2	10/10/1942	
	Nguyễn Hoàng	Con	1	20/08/1990	
16	Trương Luân	Chủ hộ	1	10/12/1938	
	Nguyễn Thị Hoa	Vợ	2	01/05/1946	
	Trương Văn Lỗi	Con	1	10/07/1985	
17	Lê Văn Thành	Chủ hộ	1	10/07/1940	
	Nguyễn Thị Cúc	Vợ	2	14/03/1942	
18	Nguyễn Thị Tuấn	Chủ hộ	2	08/04/1946	
	Trần Văn Vân	Con	1	21/07/1976	
19	Nguyễn Bốn	Chủ hộ	1	14/12/1944	
	Nguyễn Thị Cầu	Vợ	2	19/04/1945	
20	Ung Thị Mai	Chủ hộ	2	05/10/1945	
	Hồ Diên	Chồng	1	20/01/1930	
	Hồ Tấn Thọ	Cháu	1	30/09/1997	
21	Võ Thị Liên	Chủ hộ	2	10/03/1947	
22	Huỳnh Thị Mai	Chủ hộ	2	25/11/1954	
	Nguyễn Thị Vui	Con	2	12/03/1984	
	Nguyễn Thị Quá	Con	2	20/02/1987	
	Nguyễn Thị Thêm	Con	2	10/09/1994	
	Nguyễn Thanh Thương	Con	1	01/01/1999	
	Từ Thị Trúc Ly	Cháu	2	09/09/2014	
	Từ Nguyễn Như Ý	Cháu	2	18/08/2017	
23	Trần Văn Danh	Chủ hộ	1	10/10/1971	
	Phạm Thị Hải	Vợ	2	12/10/1972	
	Trần Thị Kiều Oanh	Con	2	16/04/2007	
24	Phạm Thị Mẹo	Chủ hộ	2	16/05/1950	
25	Nguyễn Thị Lệ Thu	Chủ hộ	2	11/11/1930	
26	Phan Thị Hạ	Chủ hộ	2	04/02/1962	
	Phan Phú Quốc Cường	Con	1	02/02/1986	
	Phan Mai Trúc Quỳnh	Cháu	2	16/01/2017	
	Phan Phú Thịnh	Cháu	1	26/05/2019	
27	Hồ Thị Kim Liên	Chủ hộ	2	10/08/1940	
28	Nguyễn Thị Chung	Chủ hộ	2	08/02/1943	
29	Nguyễn Đức Long	Chủ hộ	1	02/09/1971	

	Nguyễn Thị Tài	Vợ	2	10/07/1973	
30	Nguyễn Văn Thoa	Chủ hộ	1	02/05/1969	
	Phạm Thị Hà	Vợ	2	05/05/1970	
31	Đặng Thị Kiều	Chủ hộ	2	07/10/1966	
	Đặng Hữu Kiều Tường	Con	1	12/03/1998	
XIX	Thôn Kỳ Thọ Bắc (số hộ 32, số khẩu 108)				
1	Trần Thị Hạnh	Chủ hộ	2	10/10/1960	
2	Huỳnh Tấn Tiến	Chủ hộ	1	10/01/1963	
	Võ Thị Kính	Vợ	2	17/10/1972	
	Huỳnh Nhất Thiên	Con	1	29/05/2005	
	Huỳnh Võ Phi Long	Con	1	03/06/2012	
	Huỳnh Thị Thủy Tiên	Con	1	17/03/2007	
3	Huỳnh Tấn Tiền	Chủ hộ	1	30/04/1962	
	Đặng Thị Hoa	Vợ	2	25/02/1960	
	Huỳnh Đặng Như Quỳnh	Con	2	30/12/2001	
4	Võ Thị Dưỡng	Chủ hộ	2	10/07/1941	
	Nguyễn Thị Liên	Con	2	10/10/1968	
5	Nguyễn Thị Huệ Hồng	Chủ hộ	2	02/02/1955	
	Nguyễn Nguyễn	Con	1	25/09/1983	
	Huỳnh Thị Ninh	Con	2	20/08/1983	
	Nguyễn Hoàng A Na	Cháu	2	23/08/2011	
	Nguyễn Hoàng Nhật Hạ	Cháu	2	13/11/2000	
	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	Cháu	2	17/11/2022	chết tháng 7/2025
6	Phan Thị Huệ	Chủ hộ	2	01/01/1969	
	Phan Quốc Dẫn	Con	1	01/01/1997	
7	Trần Thị Thu Can	Chủ hộ	2	20/04/1968	
	Trần Quang Huy	Con	1	28/01/1999	
8	Phan Thị Bé	Chủ hộ	2	06/08/1968	
9	Nguyễn Thị Sương	Chủ hộ	2	17/07/1980	
	Trương Thiên	Chồng	1	10/03/1976	
	Trương Văn Nhiên	Con	1	07/07/2010	
10	Nguyễn Phương	Chủ hộ	2	10/02/1975	
	Trương Thị Lên	Vợ	2	07/06/1984	
	Nguyễn Thái Châu	Con	1	26/12/2006	
	Nguyễn Thị Thu Ánh	Con	2	29/06/2015	
11	Phan Thị Hiền	Chủ hộ	2	06/12/1935	
	Nguyễn Thị Thanh	Con	2	18/02/1973	
	Nguyễn Thị Quỳnh Diễm	Cháu	2	21/08/2009	
12	Nguyễn Thị Kim Túc	Chủ hộ	2	27/03/1965	
13	Bùi Túc	Chủ hộ	1	08/08/1984	
	Lê Thị Ngọc Giàu	Vợ	2	03/01/1986	
	Bùi Thanh Nhân	Con	2	16/11/2006	
	Bùi Thanh Thuận	Con	1	24/04/2020	
	Bùi Thanh Trang	Con	2	07/01/2012	
14	Bùi Thị Xuân	Chủ hộ	2	02/10/1958	
	Bùi Thái Khoa	Con	1	05/08/1989	
	Bùi Thanh Nhựt	Con	1	06/01/2009	
15	Lê Thị Thu Trâm	Chủ hộ	2	01/01/1952	

	Trương Quang Ân	Con	1	15/11/1977	
	Trương Quang Ánh	Con	1	11/02/1981	
	Phạm Thị Duyên Cẩm	Dâu	2	10/02/1988	
	Trương Thương Nghiệp	Cháu	1	06/11/2021	
16	Phan Văn Tâm	Chủ hộ	1	02/12/1972	
	Phan Trung Nguyên	Con	1	01/05/2004	
	Phan Trung Kiệt	Con	1	22/07/2011	
	Phan Văn Quỳnh	Cha	1	10/10/1944	
17	Nguyễn Thị Lộc	Chủ hộ	2	01/01/1946	
	Huỳnh Tấn Đức	Con	1	10/05/1968	
18	Võ Thị Nở	Chủ hộ	2	01/01/1953	
	Đỗ Thị Thu Hà	Cháu	2	12/03/1995	
19	Phạm Hải	Chủ hộ	1	31/12/1970	
	Hồ Thị Nhi	Vợ	2	01/01/1976	
	Phạm Thị Thanh Thảo	Con	2	28/10/2001	
	Phạm Thị Thanh Trúc	Con	2	20/10/2003	
	Phạm Thị Thanh Trà	Con	2	12/01/2005	
	Phạm Thị Thanh Thủy	Con	2	11/05/2012	
20	Phạm Thị Tùng	Chủ hộ	2	01/01/1940	
	Phạm Thị Hồng Thu	Dâu	2	05/11/1977	
	Nguyễn Duy Thương	Cháu	1	21/04/2000	
	Nguyễn Thị Duyên Tình	Cháu	2	23/02/2003	
21	Huỳnh Đức Phương	Chủ hộ	1	20/11/1979	
	Nguyễn Thị Yến Loan	Vợ	2	15/05/1985	
	Huỳnh Thị Ngọc Thu	Con	2	20/01/2010	
	Huỳnh Ngọc Bảo My	Con	2	06/06/2016	
	Huỳnh Nhật Kim Hảo	Con	2	26/08/2017	
22	Phan Thị Chính	Chủ hộ	2	20/09/1956	
	Phan Thị Mỹ Nương	Con	2	12/05/1992	
	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	Cháu	2	29/10/2016	
	Phan Nguyễn Tiên An	Cháu	2	24/02/2015	
	Nguyễn Ngọc Yến Chi	Cháu	2	29/08/2018	
23	Bùi Thị Hơ	Chủ hộ	2	14/09/1949	
24	Phạm Quyết	Chủ hộ	1	12/08/1955	
	Hồ Thị Lan	Vợ	2	20/06/1956	
25	Đoàn Như Toàn	Chủ hộ	1	18/04/1948	
	Phạm Thị Sanh	Vợ	2	05/07/1947	
	Đoàn Văn Trung	Con	1	16/06/1983	
	Đoàn Nguyễn Bảo Trân	Con	2	01/05/2012	
	Đoàn Nguyễn Hoàng Thiên	Con	1	11/02/2014	
	Đoàn Nguyễn Bảo Ngọc	Con	2	16/10/2021	
26	Phan Thị Màng	Chủ hộ	2	26/08/1964	
	Phan Thị Thư	Con	2	01/11/1998	
27	Nguyễn Thị Hồng Phi	Chủ hộ	2	16/01/1982	
	Trần Nhật Hòa	Con	1	13/06/2006	
	Trần Ngọc Thuận	Con	2	10/8/1963	
28	Võ Thị Hường	Chủ hộ	2	01/01/1940	
	Nguyễn Thị Bình	Con	2	19/10/1969	

	Phan Anh Kiệt	Cháu	1	05/05/1993	
	Phan Anh Thư	Cháu	2	15/04/2010	
	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Cháu	2	20/04/1999	
29	Trần Ngọc Tân	Chủ hộ	1	01/01/1974	
	Nguyễn Thị Sáu	Vợ	2	06/04/1975	
	Trần Ngọc Tín	Con	1	05/10/2005	
	Trần Ngọc Tiến	Con	1	18/09/2002	
30	Nguyễn Đạo	Chủ hộ	1	20/04/1991	
	Lương Thị Cúc	Vợ	2	20/07/1989	
	Nguyễn Thị Kim Ngân	Con	2	21/09/2012	
	Nguyễn Anh Tuấn	Con	1	21/04/2015	
31	Đặng Quang Khải	Chủ hộ	1	06/09/1951	
	Nguyễn Thị Hạnh	Vợ	2	04/08/1949	
32	Nguyễn Thị Xuân Loan	Chủ hộ	2	02/04/1949	
	Nguyễn Văn Huyền	Con	1	04/05/1985	
	Nguyễn Thị Quyên	Con	2	10/01/1990	
	Nguyễn Trọng Hoàng	Cháu	1	09/06/2013	
	Nguyễn Hoàng Phi Long	Cháu	1	30/07/2014	
XX	Thôn Phú Châu (số hộ 28, số khẩu 106)				
1	Trịnh Thị Vân	Chủ hộ	2	15/01/1965	
	Trần Văn Lạc	Con	1	16/03/1996	
2	Mai Thị Phụng	Chủ hộ	2	01/01/1956	
	Mai Thành Được	Con	1	10/10/1982	
	Mai Gia Nghĩa	Cháu	1	30/08/2017	
	Mai Gia Bảo	Cháu	1	11/11/2019	
3	Nguyễn Diên Nhị	Chủ hộ	1	20/09/1950	
	Nguyễn Diên Phú	Con	1	28/01/1982	
	Đặng Thị Ngọc	Dâu	2	19/10/1984	
	Nguyễn Đặng Bảo Hân	Cháu	2	24/04/2012	
	Nguyễn Diên Quang	Cháu	1	22/01/2015	
4	Phạm Ngọc Quyên	Chủ hộ	1	10/03/1963	
	Trương Thị Hồng Hạnh	Vợ	2	06/10/1964	
	Phạm Ngọc Minh Tuệ	Cháu	2	02/10/2012	
	Phạm Ngọc Thiên Phúc	Cháu	1	15/04/2016	
5	Nguyễn Thị Nhung	Chủ hộ	2	20/04/2000	
	Hồ Thị Xuân Hương	Mẹ	2	25/12/1957	
	Đặng Thùy Trang	Con	2	28/09/2018	
	Đặng Minh Trí	Con	1	06/11/2021	
6	Trương Thị Kim Tuyết	Chủ hộ	2	10/10/1983	
	Phạm Bảo Trân	Con	2	21/07/2010	
	Phạm Đình Trọng	Con	1	30/03/2012	
7	Phan Quang Thịnh	Chủ hộ	1	10/01/2007	
8	Võ Thị Tý	Chủ hộ	2	25/12/1963	
	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Con	2	18/11/2003	
9	Nguyễn Duy Mãn	Chủ hộ	1	10/02/1977	
	Nguyễn Thị Kim Loan	Vợ	2	20/11/1973	
	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Con	2	01/01/2007	

	Nguyễn Duy Hiếu	Con	1	18/05/2008	
	Nguyễn Ngọc Như Nguyễn	Cháu	2	14/11/2015	
10	Võ Văn Viết	Chủ hộ	1	24/12/1969	
	Võ Thị Minh Phương	Con	2	26/10/2001	
11	Võ Thị Thiện	Chủ hộ	1	10/11/1978	
	Nguyễn Tấn Thuận	Con	1	25/11/2006	
	Nguyễn Thị Kim Châu	Con	2	29/10/2011	
12	Nguyễn Thị Bình	Chủ hộ	2	27/04/1978	
	Nguyễn Thị Kim Mỹ	Con	2	31/12/2001	
	Lê Kim Hội	Con	1	13/02/2011	
	Trần Ngọc Minh Thư	Cháu	2	15/04/2022	
13	Phạm Ngọc Sinh	Chủ hộ	1	02/05/1936	
	Phạm Ngọc Thích	Con	1	02/09/1975	
	Phạm Ngọc Hương	Cháu	1	16/03/1987	
	Phạm Võ Ngọc Nhật	Cháu	1	17/03/2003	
	Phạm Võ Thúy Vy	Cháu	2	09/01/2007	
14	Hồ Thị Bạch Hà	Chủ hộ	2	20/03/1978	
	Phạm Văn Hiếu	Chồng	1	18/05/1978	
	Phạm Thị Trà My	Con	2	09/04/2001	
	Phạm Hồ Duy Nhật	Con	1	01/08/2005	
	Phạm Hồ Quỳnh Như	Con	2	27/10/2006	
	Phạm Hồ Thu Thùy	Con	2	05/09/2010	
15	Nguyễn Văn Tâm	Chủ hộ	1	12/03/1977	
	Nguyễn Thị Bé	Vợ	2	30/01/1984	
	Nguyễn Văn Long	Con	1	12/12/2008	
	Nguyễn Văn Quân	Con	1	15/10/2010	
	Nguyễn Thị Như Ý	Con	2	30/02/2018	
16	Phạm Thị Kim Trâm	Chủ hộ	2	12/12/1948	
	Nguyễn Tấn Thành	Chồng	1	18/04/1944	
	Nguyễn Thị Dương	Con	2	15/08/1967	
	Nguyễn Thị Hoa	Cháu	2	10/01/1995	
17	Phan Tấn Hạnh	Chủ hộ	1	10/04/1972	
	Lê Thị Trang	Vợ	2	10/04/1975	
	Phan Lê Thạch Đông	Con	1	17/02/1998	
	Phan Lê Thảo Đăng	Con	2	12/8/1999	
	Phan Lê Hải Uyên	Con	2	19/11/2004	
	Phan Lê Thành Trí	Con	1	25/05/2006	
18	Nguyễn Thị Truyền	Chủ hộ	2	02/03/1967	
	Võ Văn Nhựt	Con	1	14/10/1986	
	Võ Thị Minh Tân	Con	2	10/09/2002	
	Võ Khánh Nguyên	Cháu	1	22/03/2017	
19	Nguyễn Thị Kim Thuần	Chủ hộ	2	26/04/1970	
	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Con	2	02/01/2005	
	Đào Nguyễn Thanh Hậu	Con	2	13/10/1996	
20	Lê Thị Cúc	Chủ hộ	2	07/07/1970	
	Nguyễn Lê Trung Chiến	Con	1	17/09/2004	
21	Nguyễn Phụng	Chủ hộ	1	01/01/1946	
	Võ Thị Mai	Vợ	2	23/05/1954	

	Nguyễn Nhung	Con	1	05/05/1989	
	Nguyễn Văn Lộc	Con	1	04/10/1991	
	Nguyễn Thị Thùy Trâm	Cháu	2	14/08/2008	
22	Nguyễn Thị Chi	Chủ hộ	2	16/06/1937	
	Nguyễn Diên Quang	Con	1	24/04/1980	
	Võ Thị Hiếu	Dâu	2	20/11/1983	
	Nguyễn Diên Quyền	Cháu	1	15/06/2009	
	Nguyễn Diên Quý	Cháu	1	08/02/2013	
23	Nguyễn Đồng	Chủ hộ	1	08/02/1939	
	Nguyễn Thị Xuân	Vợ	2	13/03/1939	
	Nguyễn Văn Ngọc	Con	1	04/02/1978	
	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	Cháu	2	13/01/2007	
	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Cháu	2	01/06/2015	
24	Lê Thị Thu Chi	Chủ hộ	2	12/05/1990	
	Lê Thị Thúy Nga	Con	2	27/03/2010	
	Lê Thị Thanh Thu	Con	2	23/03/2017	
25	Võ Quang Bình	Chủ hộ	1	20/10/1962	
	Lương Thị Huỳnh	Vợ	2	08/04/1963	
	Võ Đức Tân	Con	1	30/09/1996	
	Võ Thị Ánh Liên	Con	2	10/10/1993	
26	Lê Thị Kim Hoa	Chủ hộ	2	10/11/1963	
27	Trương Thị Minh Tuyền	Chủ hộ	2	25/6/1952	
	Nguyễn Lộc	Con	1	20/12/1984	
	Nguyễn Duy Phúc	cháu	1	23/11/2010	
	Nguyễn Khánh An	cháu	2	25/5/2018	
28	Phạm Ngọc Nam	Chủ hộ	1	25/09/1985	
	Phạm Văn Việt	Anh	1	25/06/1982	
	Võ Thị Hương	Vợ	2	22/07/1986	
	Phạm Ngọc Quảng	Con	1	01/01/2010	
	Phạm Ngọc Đại	Con	1	11/12/2020	
XXI	Thôn Xuân Vinh (số hộ 31, số khẩu 107)				
1	Trần Thị Đi	Chủ hộ	2	25/10/1940	
2	Trần Thị Kim Liên	Chủ hộ	2	13/12/1948	
	Nguyễn Thị Thu	Con	2	20/10/1970	
	Nguyễn Tiến Đạt	Chau	1	06/12/2000	
3	Tạ Thị Khôi	Chủ hộ	2	05/06/1969	
	Trần Vũ	Chồng	1	25/12/1964	
	Trần Ngọc Vương	Con	1	20/06/1992	
	Trần Ngọc Việt	Con	1	18/06/1994	
4	Nguyễn Thị Cúc	Chủ hộ	2	15/05/1962	
	Nguyễn Thị Thơm	Cháu	2	21/04/1967	
5	Nguyễn Tấn Diệp Em	Chủ hộ	1	12/07/1968	
	Nguyễn Thị Kim	Vợ	2	18/06/1982	
	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Con	2	25/05/2004	
	Nguyễn Tấn Đức	Con	1	01/07/2007	
6	Tô Thị Đồng	Chủ hộ	2	07/10/1942	
	Trần Thị Bích Ly	Con	2	10/04/1967	

	Trần Tiến Khoa	Con	1	01/01/1971	
	Trần Tiến Thành	Con	1	14/10/1980	
	Lâm Trần Nhật Hằng	Cháu	2	17/11/1997	
	Trần Ngọc Trâm	Cháu	2	05/12/2002	
	Trần Thanh Phong	Cháu	1	06/06/2013	
	Trần Thị Bích Phượng	Con	2	16/08/1984	
7	Trần Thanh Liêm	Chủ hộ	1	11/08/1967	
	Trần Thị Như Huỳnh	Con	2	16/03/2000	
	Trần Minh Tân	Con	1	30/01/2002	
8	Phan Quang Trường	Chủ hộ	1	10/02/1970	
	Nguyễn Thị Vân	Vợ	2	22/09/1969	
	Phan Quang Cường	Con	1	12/01/1998	
9	Lê Thành	Chủ hộ	1	20/12/1947	
	Nguyễn Thị Bảy	2	2	10/12/1948	
10	Nguyễn Thị Tuấn	Chủ hộ	2	10/10/1945	
	Nguyễn Hùng Trạng	Con	1	13/8/2007	
11	Bùi Huy	Chủ hộ	1	20/03/1982	
	Đặng Thị Mỹ Diệp	Vợ	2	16/11/1992	
	Bùi Thị Mỹ Thi	Con	2	08/07/2013	
	Bùi Thị Mỹ Thư	Con	2	10/06/2019	
12	Nguyễn Nô	Chủ hộ	1	20/10/1959	
	Lương Thị Tho	Vợ	2	17/01/1960	
	Nguyễn Anh Nam	Con	1	03/03/1989	
	Nguyễn Anh Nhi	Con	1	06/02/1992	
	Nguyễn Anh Ngoan	Con	1	08/03/1995	
	Nguyễn Thị Lệ Nhiên	Con	2	28/9/1977	
	Nguyễn Anh Nguyên	Con	1	18/04/2000	
13	Trương Chí	Chủ hộ	1	08/11/1961	
	Nguyễn Thị Dung	Vợ	2	12/06/1963	
	Lê Trương Hoàng Châu	Cháu	2	06/02/2011	
	Trương Nguyễn Thanh Huyền	Con	2	26/07/1987	
14	Nguyễn Thị Nhỏ	Chủ hộ	2	15/06/1961	
	Nguyễn Sĩ Hiệp	Chồng	1	20/10/1953	
	Nguyễn Sĩ Hảo	Con	1	12/6/1985	
	Nguyễn Sĩ Hoàng	Con	1	12/08/1989	
	Nguyễn Thị Minh Sương	Cháu	2	01/01/1984	
15	Trần Thị Kim Tuyến	Chủ hộ	2	02/08/1963	
16	Nguyễn Thị Tuyết	Chủ hộ	2	04/4/1948	
17	Nguyễn Quân	Chủ hộ	1	12/01/1981	
	Phạm Thị Thu Trang	Vợ	2	04/06/1988	
	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Con	2	15/09/2011	
18	Chế Linh	Chủ hộ	1	12/12/1939	
	Nguyễn Thị Hồng	Vợ	2	20/10/1947	
19	Nguyễn Tấn Thư	Chủ hộ	1	06/02/1972	
	Nguyễn Thị Loan	Vợ	2	20/05/1978	
	Nguyễn Thị Bích Kiều	Con	2	10/02/2006	
	Nguyễn Thị Thúy	Con	2	11/06/2011	
	Nguyễn Tấn Thịnh	Con	1	09/07/2015	

	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Con	2	28/04/2019	
20	Nguyễn Bình	Chủ hộ	1	09/10/1976	
	Nguyễn Văn Mạnh	Con	1	20/10/2009	
	Nguyễn Văn Thành	Con	1	04/11/2015	
	Nguyễn Thị Tuyền	Con	2	09/11/2017	
21	Nguyễn Văn Tạo	Chủ hộ	1	19/02/1963	
	Phạm Thị Thanh	Vợ	2	05/10/1970	
	Nguyễn Văn Thành	Con	1	12/05/2004	
22	Nguyễn Anh	Chủ hộ	1	03/10/1968	
	Nguyễn Thị Xuân Ngọc	Vợ	2	30/12/1966	
	Nguyễn Dương Hường	Con	1	10/04/1992	
	Nguyễn Dương Huy	Cháu	1	17/05/2000	
	Nguyễn Thị Xuân Hương	Cháu	2	01/6/1992	
	Nguyễn Dương Nguyên Kha	Cháu	1	18/10/2015	
	Nguyễn Dương Nguyên Khang	Cháu	1	18/05/2021	
23	Võ Thị Liên	Chủ hộ	2	02/06/1942	
	Nguyễn Văn Hiền	Cháu	1	17/07/1994	
24	Phạm Thị Minh Tuyết	Chủ hộ	2	08/01/1972	
	Đặng Quốc Thành	Con	1	29/05/2004	
25	Phan Thị Tiết	Chủ hộ	2	20/04/1966	
26	Nguyễn Thanh Long	Chủ hộ	1	15/01/1951	
	Lê Thị Minh	Vợ	2	10/3/1964	
	Nguyễn Thanh Tiết	Con	1	08/06/1990	
27	Nguyễn Quế	Chủ hộ	1	23/06/1966	
	Nguyễn Đỏ	Con	1	02/10/1995	
28	Nguyễn Thị Thúy Phượng	Chủ hộ	2	14/9/1976	
	Nguyễn Gia Bảo	Con	1	04/09/2014	
29	Võ Văn Du	Chủ hộ	1	10/06/1965	
	Lê Thị Thiện	Vợ	2	06/01/1976	
	Nguyễn Thị Khâm	Em	2	05/12/1937	
	Võ Ngọc Tâm	Con	2	03/12/2008	
	Võ Thành Đức	Con	1	04/04/2014	
	Võ Thành Nhân	Con	1	17/01/2016	
	Võ Thị Ba	Em	2	06/7/1967	
30	Nguyễn Thị Hoàng	Chủ hộ	2	02/02/1948	
	Nguyễn Diên Hoàn	Con	1	04/04/1982	
	Nguyễn Thị Phương	Con	2	20/09/1989	
	Nguyễn Diên Hải	Cháu	1	23/01/2009	
	Nguyễn Diên Hòa	Cháu	1	19/09/2010	
	Nguyễn Diên Gia Huy	Cháu	1	12/04/2014	
	Nguyễn Hòa Hải Yến	Cháu	2	21/12/2018	
31	Lâm Thị Xuân Hương	Chủ hộ	2	02/04/1945	
	Nguyễn Tấn Hưng	Con	1	24/10/1979	

Tổng cộng danh sách: Có 84 hộ nghèo, 173 khẩu; Có 320 hộ cận nghèo, 969 khẩu

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

Năm rà soát 2025

TT	Thôn/tổ dân phố	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (sơ bộ/chính thức)			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Châu Me	182	901	4	2,20	5	2,75
2	Xuân Ba	344	1.267	8	2,33	4	1,16
3	An Ba	575	2.125	12	2,09	5	0,87
4	Mỹ Hưng	297	1.149	5	1,68	1	0,34
5	Đồng Xuân	232	895	3	1,29	3	1,29
6	Ba Bình	198	808	3	1,52	2	1,01
7	Xuân Đình	375	1.454	4	1,07	9	2,40
8	Thuận Hòa	291	1.195	2	0,69	8	2,75
9	An Chỉ Tây	419	1.793	6	1,43	7	1,67
10	An Chỉ Đông	389	1.696	6	1,54	6	1,54
11	Đề An	523	2.155	6	1,15	7	1,34
12	Hòa Mỹ	447	1.906	8	1,79	8	1,79
13	Hòa Quý	375	1.587	6	1,60	9	2,40
14	Hòa Vinh	420	1.705	7	1,67	7	1,67
15	Hòa Sơn	235	1.085	3	1,28	3	1,28
16	Hòa Thọ	718	3.016	11	1,53	13	1,81
17	Kỳ Thọ Nam 1	452	2.095	8	1,77	4	0,88
18	Kỳ Thọ Nam 2	429	1.798	6	1,40	4	0,93
19	Kỳ Thọ Bắc	610	2.725	7	1,15	3	0,49
20	Phú Châu	573	2.071	8	1,40	3	0,52
21	Xuân Vinh	839	2.657	6	0,72	4	0,48
Tổng cộng		8.923	36.083	129	1,45	115	1,29

Phụ lục 02

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ nghèo			Diễn biến tăng số hộ nghèo				Tổng số hộ nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát nghèo		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ nghèo đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
				Trở thành hộ cận nghèo	Vượt chuẩn cận nghèo			Tái nghèo	Phát sinh mới		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Châu Me	Hộ	4	0							4
		Nhân khẩu	6	0							6
2	Xuân Ba	Hộ	8		1				1		8
		Nhân khẩu	14		1				2		14
3	An Ba	Hộ	14		5	03 hộ đơn thân chết	3				12
		Nhân khẩu	20		7		6				19
4	Mỹ Hưng	Hộ	5								5
		Nhân khẩu	14								13
5	Đồng Xuân	Hộ	3		3	Chuyển bảo trợ	3				3
		Nhân khẩu	3		3		12				12
6	Ba Bình	Hộ	3								3
		Nhân khẩu	5								5
7	Xuân Đình	Hộ	6		2	Đơn thân chết					4
		Nhân khẩu	11		2						9
8	Thuận Hòa	Hộ	2								2
		Nhân khẩu	5								5
9	An Chỉ Tây	Hộ	10		5				1		6
		Nhân khẩu	19		13				2		8
10	An Chỉ Đông	Hộ	9		5				2		6
		Nhân khẩu	20		12				6		14
11	Đề An	Hộ	13		5	01 hộ đơn thân chết					8
		Nhân khẩu	32		8						24
12	Hòa Mỹ	Hộ	10		5				1		6
		Nhân khẩu	23		9				4		16
13	Hòa Quý	Hộ	9	2	1						6
		Nhân khẩu	17	5	1						11

14	Hòa Vinh	Hộ	11	1	3	01 hộ đơn thân chết					7
		Nhân khẩu	21	5	8						8
15	Hòa Sơn	Hộ	4		2			1			3
		Nhân khẩu	10		3			4			11
16	Hòa Thọ	Hộ	18		7						11
		Nhân khẩu	48		14	Chết, chuyển nơi					32
17	Kỳ Thọ Nam 1	Hộ	14		8			2			8
		Nhân khẩu	48		22			2			28
18	Kỳ Thọ Nam 2	Hộ	13	4	3						6
		Nhân khẩu	31	9	4						18
19	Kỳ Thọ Bắc	Hộ	14		7						7
		Nhân khẩu	34		17						17
20	Phú Châu	Hộ	16		8						8
		Nhân khẩu	33		16						17
21	Xuân Vinh	Hộ	13		7						6
		Nhân khẩu	27		14						13
	Tổng cộng	Hộ	199	7	77		6	0	8	0	129
		Nhân khẩu	441	19	154		18	0	20	0	300

Phụ lục 03

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẬN NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo				Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
								Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
1	Châu Me	Hộ	7	3					1		5
		Nhân khẩu	14	5					6		14
2	Xuân Ba	Hộ	6	4					2	Bệnh hiểm nghèo	4
		Nhân khẩu	25	13					6		18
3	An Ba	Hộ	10	6					1	Bệnh hiểm nghèo	5
		Nhân khẩu	22	13					7		16
4	Mỹ Hưng	Hộ	4	3							1
		Nhân khẩu	10	6							4
5	Đồng Xuân	Hộ	6	3	3				3		3
		Nhân khẩu	14	6	8				12		12
6	Ba Bình	Hộ	4	2							2
		Nhân khẩu	8	4							4
7	Xuân Đình	Hộ	13	4							9
		Nhân khẩu	28	8							20
8	Thuận Hòa	Hộ	10	3					1	Bệnh hiểm nghèo	8
		Nhân khẩu	23	7					3		19
9	An Chỉ Tây	Hộ	22	17					2		7
		Nhân khẩu	82	67					4	Bệnh hiểm nghèo	20

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo				Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
								Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
10	An Chỉ Đông	Hộ	21	15							6
		Nhân khẩu	61	44							17
11	Đề An	Hộ	27	20							7
		Nhân khẩu	75	51							23
12	Hòa Mỹ	Hộ	24	17					1	Bệnh hiểm nghèo	8
		Nhân khẩu	71	47					2		26
13	Hòa Quý	Hộ	20	17			2		4	Bệnh hiểm nghèo	9
		Nhân khẩu	56	50			5		9		20
14	Hòa Vinh	Hộ	22	17			1		1		7
		Nhân khẩu	38	24			5		2		21
15	Hòa Sơn	Hộ	9	6							3
		Nhân khẩu	34	23							11
16	Hòa Thọ	Hộ	38	28					3	Bệnh hiểm nghèo	13
		Nhân khẩu	110	73					5		39
17	Kỳ Thọ Nam 1	Hộ	34	30							4
		Nhân khẩu	130	116							13
18	Kỳ Thọ Nam 2	Hộ	31	31			4				4
		Nhân khẩu	83	83			9				9
19	Kỳ Thọ Bắc	Hộ	35	32							3
		Nhân khẩu	118	108							16
20	Phú Châu	Hộ	31	28							3
		Nhân khẩu	117	106							13

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo			Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm			Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...
								Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
21	Xuân Vinh	Hộ	34	31					1		4
		Nhân khẩu	114	107					2	Bệnh hiểm nghèo	8
	Tổng cộng	Hộ	408	317	3	0	7	0	20		115
		Nhân khẩu	1233	961	8	0	19	0	58		343

Phụ lục 04

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Châu Me	4	1	3	0	4	1	0	0	0	0	0	3	0
2	Xuân Ba	8	3	2	0	8	0	0	1	0	0	0	8	3
3	An Ba	12	10	2	0	11	0	0	0	0	0	0	11	0
4	Mỹ Hưng	5	4	4	1	3	0	0	0	0	0	0	2	2
5	Đồng Xuân	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
6	Ba Bình	3	3	1	0	3	1	0	0	0	0	0	2	0
7	Xuân Đình	4	4	3	0	3	1	0	0	0	0	0	1	0
8	Thuận Hòa	2	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1
9	An Chỉ Tây	6	6	1	0	6	0	0	0	0	0	0	5	0
10	An Chỉ Đông	6	3	0	3	2	0	0	1	0	0	0	5	3
11	Đề An	8	3	5	1	0	1	0	6	0	0	1	7	0
12	Hòa Mỹ	6	5	2	0	6	5	0	0	0	0	0	4	0
13	Hòa Quý	6	1	0	1	5	0	0	1	0	0	0	5	4
14	Hòa Vinh	7	2	2	0	3	0	0	0	0	0	3	6	5
15	Hòa Sơn	3	2	1	0	1	2	0	0	0	0	0	1	0
16	Hòa Thọ	11	1	11	0	10	0	0	0	0	0	0	10	1
17	Kỳ Thọ Nam 1	8	5	3	5	3	1	0	1	1	0	1	4	1
18	Kỳ Thọ Nam 2	6	5	2	1	1	0	0	2	1	0	0	4	4
19	Kỳ Thọ Bắc	7	5	2	0	0	1	0	0	2	0	0	4	5
20	Phú Châu	8	3	2	1	0	0	0	0	1	7	1	8	1
21	Xuân Vinh	6	6	1	0	3	0	0	0	3	0	0	5	0
	Tổng cộng	129	77	50	13	74	13	0	12	8	7	6	98	30

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng		7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận

Phụ lục 05

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (so với tổng số hộ nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Châu Me	4	25,0	75,0	0,0	100,0	25,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	75,0	0,0
2	Xuân Ba	8	37,5	25,0	0,0	100,0	0,0	0,0	12,5	0,0	0,0	0,0	100,0	37,5
3	An Ba	12	83,3	16,7	0,0	91,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	91,7	0,0
4	Mỹ Hưng	5	80,0	80,0	20,0	60,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	40,0	40,0
5	Đồng Xuân	3	100,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	66,7	0,0
6	Ba Bình	3	100,0	33,3	0,0	100,0	33,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	66,7	0,0
7	Xuân Đình	4	100,0	75,0	0,0	75,0	25,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25,0	0,0
8	Thuận Hòa	2	100,0	0,0	0,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	50,0	50,0
9	An Chỉ Tây	6	100,0	16,7	0,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	83,3	0,0
10	An Chỉ Đông	6	50,0	0,0	50,0	33,3	0,0	0,0	16,7	0,0	0,0	0,0	83,3	50,0
11	Đề An	8	37,5	62,5	12,5	0,0	12,5	0,0	75,0	0,0	0,0	0,1	87,5	0,0
12	Hòa Mỹ	6	83,3	33,3	0,0	100,0	83,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	66,7	0,0
13	Hòa Quý	6	16,7	0,0	16,7	83,3	0,0	0,0	16,7	0,0	0,0	0,0	83,3	66,7
14	Hòa Vinh	7	28,6	28,6	0,0	42,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,4	85,7	71,4
15	Hòa Sơn	3	66,7	33,3	0,0	33,3	66,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	33,3	0,0
16	Hòa Thọ	11	9,1	100,0	0,0	90,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	90,9	9,1
17	Kỳ Thọ Nam 1	8	62,5	37,5	62,5	37,5	12,5	0,0	12,5	12,5	0,0	0,1	50,0	12,5
18	Kỳ Thọ Nam 2	6	83,3	33,3	16,7	16,7	0,0	0,0	33,3	16,7	0,0	0,0	66,7	66,7
19	Kỳ Thọ Bắc	7	71,4	28,6	0,0	0,0	14,3	0,0	0,0	28,6	0,0	0,0	57,1	71,4
20	Phú Châu	8	37,5	25,0	12,5	0,0	0,0	0,0	0,0	12,5	87,5	0,1	100,0	12,5
21	Xuân Vinh	6	100,0	16,7	0,0	50,0	0,0	0,0	0,0	50,0	0,0	0,0	83,3	0,0
Tổng cộng		129	59,7	38,8	10,1	57,4	10,1	0,0	9,3	6,2	5,4	0,0	76,0	23,3

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

** Áp dụng cho cấp xã chi tiết theo từng thôn*

Phụ lục 06

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Châu Me	5	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
2	Xuân Ba	4	4	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
3	An Ba	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1
4	Mỹ Hưng	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Đồng Xuân	3	2	2	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
6	Ba Bình	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Xuân Đình	9	9	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thuận Hòa	8	8	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	An Chỉ Tây	7	7	4	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
10	An Chỉ Đông	6	4	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1
11	Đề An	7	5	2	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
12	Hòa Mỹ	8	6	1	0	0	1	0	0	0	0	0	2	1
13	Hòa Quý	9	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1
14	Hòa Vinh	7	2	4	2	1	0	0	0	0	0	0	2	0
15	Hòa Sơn	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Hòa Thọ	13	2	11	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
17	Kỳ Thọ Nam 1	4	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0
18	Kỳ Thọ Nam 2	4	4	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0
19	Kỳ Thọ Bắc	3	1	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Phú Châu	3	1	0	0	0	0	0	0	3	0	2	0	0
21	Xuân Vinh	4	1	2	0	0	3	0	0	0	1	0	1	0

	Tổng cộng	115											
--	------------------	-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh	11: Sử dụng dịch vụ
chú:	2: Người phụ thuộc trong hộ gia	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân	10: Nhà tiêu hợp vệ	12: Phương tiện

Phụ lục 07

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (so với tổng số hộ cận nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Châu Me	5	40,0	20,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	60,0	0,0
2	Xuân Ba	4	100,0	75,0	0,0	25,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
3	An Ba	5	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	40,0	20,0
4	Mỹ Hưng	1	100,0	0,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
5	Đồng Xuân	3	66,7	66,7	0,0	0,0	0,3	33,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
6	Ba Bình	2	100,0	50,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
7	Xuân Đình	9	100,0	11,1	0,0	22,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
8	Thuận Hòa	8	100,0	37,5	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
9	An Chi Tây	7	100,0	57,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	14,3	0,0
10	An Chi Đông	6	66,7	16,7	16,7	16,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	16,7
11	Đề An	7	71,4	28,6	0,0	0,0	0,0	0,0	42,9	42,9	0,0	0,0	28,6	28,6
12	Hòa Mỹ	8	75,0	12,5	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25,0	12,5
13	Hòa Quý	9	55,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	33,3	11,1
14	Hòa Vinh	7	28,6	57,1	28,6	14,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	28,6	0,0
15	Hòa Sơn	3	100,0	66,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
16	Hòa Thọ	13	15,4	84,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	23,1	0,0
17	Kỳ Thọ Nam 1	4	75,0	0,0	0,0	25,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25,0	0,0
18	Kỳ Thọ Nam 2	4	100,0	0,0	0,0	0,0	0,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25,0	0,0
19	Kỳ Thọ Bắc	3	33,3	100,0	66,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
20	Phú Châu	3	33,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	66,7	0,0	0,0
21	Xuân Vinh	4	25,0	50,0	0,0	0,0	0,8	0,0	0,0	0,0	25,0	0,0	25,0	0,0
	Tổng cộng	115												

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh	11: Sử dụng dịch vụ
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu	10: Nhà tiêu hợp vệ	12: Phương tiện phục

Phụ lục 08

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số ¹	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động ²	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng ³	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Châu Me	Hộ	182	1	4,0	5,0				1		
		Nhân khẩu	901	1	6,0	14,0				2		
2	Xuân Ba	Hộ	344	2	8,0	4,0						
		Nhân khẩu	1.267	2	14,0	18,0						
3	An Ba	Hộ	575		12,0	5,0			5	1		
		Nhân khẩu	2.125		19,0	16,0			5	1		
4	Mỹ Hưng	Hộ	297	2	5,0	1,0						
		Nhân khẩu	1.149	2	13,0	4,0						
5	Đồng Xuân	Hộ	232	1	3,0	3,0						
		Nhân khẩu	895	1	12,0	12,0						
6	Ba Bình	Hộ	198	1	3,0	2,0						
		Nhân khẩu	808	1	5,0	4,0						
7	Xuân Đình	Hộ	375	1	4,0	9,0						
		Nhân khẩu	1.454	1	9,0	20,0						
8	Thuận Hòa	Hộ	291	3	2,0	8,0			1	1		
		Nhân khẩu	1.195	3	5,0	19,0			1	1		
9	An Chỉ Tây	Hộ	419		6,0	7,0			2			
		Nhân khẩu	1.793		8,0	20,0			2			
10	An Chỉ Đông	Hộ	389		6,0	6,0						
		Nhân khẩu	1.696		14,0	17,0						
11	Đề An	Hộ	523	1	8,0	7,0						
		Nhân khẩu	2.155	1	24,0	23,0						
12	Hòa Mỹ	Hộ	447	1	6,0	8,0						
		Nhân khẩu	1.906	1	16,0	26,0						

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số ¹	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động ²	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng ³	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
13	Hòa Quý	Hộ	375	5	6,0	9,0						
		Nhân khẩu	1.587	10	11,0	20,0						
14	Hòa Vinh	Hộ	420	3	7,0	7,0						
		Nhân khẩu	1.705	5	8,0	21,0						
15	Hòa Sơn	Hộ	235	1	3,0	3,0						
		Nhân khẩu	1.085	1	11,0	11,0						
16	Hòa Thọ	Hộ	718	4	11,0	13,0						
		Nhân khẩu	3.016	5	32,0	39,0						
17	Kỳ Thọ Nam 1	Hộ	452	7	8,0	4,0						
		Nhân khẩu	2.095	7	28,0	13,0						
18	Kỳ Thọ Nam 2	Hộ	429		6,0	4,0						
		Nhân khẩu	1.798		18,0	9,0						
19	Kỳ Thọ Bắc	Hộ	610	2	7,0	3,0						
		Nhân khẩu	2.725	2	17,0	16,0						
20	Phú Châu	Hộ	573	2	8,0	3,0						
		Nhân khẩu	2.071	2	17,0	13,0						
21	Xuân Vinh	Hộ	839	2	6,0	4,0						
		Nhân khẩu	2.657	4	13,0	8,0						
	Tổng cộng	Hộ	8.923	39	129	115	-	-	8	3	-	-
		Nhân khẩu	36.083	49	300	343	-	-	8	4	-	-

^[1] Hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

^[2] Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

^[3] Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là hộ nghèo, cận nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng, đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng

Phụ lục 09

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM DÂN TỘC

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Khu vực/Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số						Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số					
				Tổng số	Hre	Hoa	Tày	Thái				Tổng số	Hre	Hoa	Tày	Thái	
A	B	1=2+3	2	3=4+5...	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11=12+13+..	12	13	14	15	...
1	Châu Me	4	4							5	5						
2	Xuân Ba	8	8							4	4						
3	An Ba	12	12							5	5						
4	Mỹ Hưng	5	5							1	1						
5	Đồng Xuân	3	3							3	3						
6	Ba Bình	3	3							2	2						
7	Xuân Đình	4	4							9	9						
8	Thuận Hòa	2	2							8	8						
9	An Chi Tây	6	6							7	7						
10	An Chi Đông	6	6							6	6						
11	Đề An	6	6							7	7						
12	Hòa Mỹ	8	8							8	8						
13	Hòa Quý	6	6							9	9						
14	Hòa Vinh	7	7							7	7						
15	Hòa Sơn	3	3							3	3						
16	Hòa Thọ	11	11							13	13						
17	Kỳ Thọ Nam 1	8	8							4	4						
18	Kỳ Thọ Nam 2	6	6							4	4						

19	Kỳ Thọ Bắc	7	7							3	3						
20	Phú Châu	8	8							3	3						
21	Xuân Vinh	6	6							4	4						
Tổng cộng		129	129	0	0	0	0	0	0	115	115	0	0	0	0	0	0

Phụ lục 10

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO, CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

TT	Thôn, tổ dân phố	Nguyên							
		Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (ghi rõ)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thôn Châu Me								
	- Hộ nghèo		1	3					
	- Hộ cận nghèo		3	1				1	
2	Thôn Xuân Ba								
	- Hộ nghèo		3	5					
	- Hộ cận nghèo		2					2	
3	Thôn An Ba								
	- Hộ nghèo			6		4	2		
	- Hộ cận nghèo			1		2		2	
4	Thôn Mỹ Hưng								
	- Hộ nghèo		2	3					
	- Hộ cận nghèo		1						
5	Thôn Đồng Xuân								
	- Hộ nghèo		3						
	- Hộ cận nghèo		2					1	
6	Thôn Ba Bình								
	- Hộ nghèo			1			2		
	- Hộ cận nghèo		1			1			
7	Thôn Xuân Đình								
	- Hộ nghèo		4						
	- Hộ cận nghèo		9						
8	Thôn Thuận Hòa								
	- Hộ nghèo			1		1			
	- Hộ cận nghèo		2	3				3	
9	Thôn An Chi Tây								
	- Hộ nghèo		4					2	
	- Hộ cận nghèo		4					3	
10	Thôn An Chi Đông								
	- Hộ nghèo							6	
	- Hộ cận nghèo		1					5	
11	Thôn Đề An								
	- Hộ nghèo							8	
	- Hộ cận nghèo			2				5	
12	Thôn Hòa Mỹ								
	- Hộ nghèo		3	1				2	
	- Hộ cận nghèo							8	

TT	Thôn, tổ dân phố	Nguyên							
		Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (ghi rõ)
13	Thôn Hòa Quý								
	- Hộ nghèo							6	
	- Hộ cận nghèo							7	2
14	Thôn Hòa Vinh								
	- Hộ nghèo	1	3	1		1		1	
	- Hộ cận nghèo		5			1		1	
15	Thôn Hòa Sơn								
	- Hộ nghèo			1				2	
	- Hộ cận nghèo		3						
16	Thôn Hòa Thọ								
	- Hộ nghèo		1					10	
	- Hộ cận nghèo		1	1				11	
17	Thôn Kỳ Thọ Nam 1								
	- Hộ nghèo		1			2		5	
	- Hộ cận nghèo		3					1	
18	Thôn Kỳ Thọ Nam 2								
	- Hộ nghèo	1	1	1	1			2	
	- Hộ cận nghèo		1					3	
19	Thôn Kỳ Thọ Bắc								
	- Hộ nghèo							7	
	- Hộ cận nghèo							3	
20	Thôn Phú Châu								
	- Hộ nghèo		3	2		1		2	
	- Hộ cận nghèo							3	
21	Thôn Xuân Vinh								
	- Hộ nghèo		6						
	- Hộ cận nghèo		1			2		1	
	Tổng cộng								
	- Hộ nghèo	2	35	25	1	9	4	53	0
	- Hộ cận nghèo	0	39	8	0	6	0	60	2

Phụ lục 11

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Đình Cương)

	Thôn, tổ dân phố	Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo			
T		Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục	Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục
T			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học		Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học
	Đơn vị tính	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Châu Me	0		0	0	1	1	0	0
2	Xuân Ba	4	4	0	0	6	6	0	0
3	An Ba	3	3	0	0	3	3	0	0
4	Mỹ Hưng	5	5	0	0	1	1	0	0
5	Đồng Xuân	5	5	0	0	4	4	0	0
6	Ba Bình	0	0	0	0	2	2	0	0
7	Xuân Đình	2	2	0	0	2	2	0	0
8	Thuận Hòa	0	0	0	0	3	3	0	0
9	An Chỉ Tây	2	2	0	0	1	1	0	0
10	An Chỉ Đông	2	2	0	0	2	2	0	0
11	Đề An	3	3	0	0	8	8	0	0
12	Hòa Mỹ	4	4	0	0	4	4	0	0
13	Hòa Quý	0	0	0	0	0		0	0
14	Hòa Vinh	0	0	0	0	6	6	0	0
15	Hòa Sơn	3	3	0	0	4	4	0	0
16	Hòa Thọ	2	2	0	0	8	8	0	0
17	Kỳ Thọ Nam 1	9	9	0	0	3	3	0	0
18	Kỳ Thọ Nam 2	4	4	0	0	1	1	0	0
19	Kỳ Thọ Bắc	2	2	0	0	6	6	0	0
20	Phú Châu	2	2	0	0	3	3	0	0
21	Xuân Vinh	1	1	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	53	53	0	0	68	68	0	0

Ghi chú:

Cột 1: Tổng số trẻ em thuộc hộ nghèo; Cột 5: Tổng số trẻ em thuộc hộ cận nghèo

Cột 2, 6: Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế.

Cột 3, 7: Trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 4, 8: Trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở)